

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 05

Tổ : 001

Trang 1/2

Mã nhận dạng 01543

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 25/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD403 Nhóm : 05 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tử	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13154002	BÙI TUẤN ANH	DH13OT	<i>anh</i>	8	6	2	4		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	14118004	ĐỒNG VĂN BẢO	DH14CK	<i>Bao</i>	8	6	1	3,4		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	14154003	NGUYỄN CHÍ BẢO	DH14OT	<i>Bao</i>	8	6	1	3,4		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13115157	NGUYỄN CÔNG BIẾT	DH13CB	<i>ket</i>	9	8	3	5,2		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13115172	NGUYỄN HỒNG DIỆM	DH13CB	<i>Diem</i>						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13153054	LÂM THÁI DUY	DH13CD	<i>Duy</i>						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13137036	TRẦN KHÁNH DUY	DH13NL	<i>duc</i>	9	7	2	4,4		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13115180	TRẦN THỊ ÁI DUYỀN	DH13CB	<i>Duyen</i>	9	7	4	5,6		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12344163	VĂN VĂN DƯ	CD12CI	<i>Du</i>	7	7	2	4		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13115022	NGUYỄN HỒNG TẤN ĐẠT	DH13CB	<i>Dat</i>	7	8	1	3,6		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	14118135	NGUYỄN PHÁT ĐẠT	DH14CC	<i>Dat</i>	9	7	3	5		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12344043	LƯƠNG QUỐC ĐÔNG	CD12CI	<i>Dong</i>	8	5	1	3,2		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12344040	TRẦN VIỆT ĐỨC	CD12CI	<i>Duc</i>	5	7	1	3		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12115046	HUỶNH KIM HẢI	DH12CB	<i>Hai</i>	8	5	6	6,2		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13154015	NGUYỄN TẤN HẢI	DH13OT	<i>Hai</i>	7	6	4	5		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13115033	VŨ THỊ HIỀN	DH13CB	<i>Hien</i>	9	7	10	9,2		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13115219	NGUYỄN THANH HOÀNG	DH13CB	<i>Hong</i>	9	7	3	5		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12138003	NGUYỄN HUY HÙNG	DH12TD	<i>Hung</i>	8	6	3	4,6		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 25/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD403 Nhóm : 05 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13334079	ĐINH LÂM HUY	CD13CI	<i>Huy</i>		9	6	1	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13115242	MAI THUY GIANG	HUONG	<i>Chang</i>		9	8	1	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12115211	ĐỒNG VĂN LÀNH	DH12CB	<i>Lanh</i>		6	8	1	3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11115004	TRẦN THỊ MAI LINH	DH11CB	<i>Lin</i>		8	7	2	4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13154145	HUỖNH NGỌC LỢI	DH13OT	<i>Loi</i>		9	8	8	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13115270	TRƯƠNG CÔNG LUÂN	DH13CB	<i>Luân</i>		8	6	6	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11154045	CHU ĐỨC MINH	DH11OT	<i>Minh</i>		8	5	3	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12138075	NGUYỄN HUY MINH	DH12TD	<i>Minh</i>		9	6	3	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12344172	TRỊNH HỮU NGHĨA	CD12CI							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13115293	NGUYỄN THANH KIM NGỌC	DH13CB	<i>Ngoc</i>		8	8	7	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13115296	NGUYỄN VIỆT NGỌC	DH13CB	<i>Ngoc</i>		9	5	3	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12115146	VÕ THỊ XUÂN NHÃN	DH12GB	<i>Nhan</i>		3	7	1	2,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	13115315	PHẠM THỊ HUỖNH NHƯ	DH13CB							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12344155	NGUYỄN VĂN PHÉ	CD12CI	<i>Phé</i>		8	7	3	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13154042	NGUYỄN VĂN PHI	DH13OT	<i>Phi</i>		9	9	9	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 04 Hiện diện: 29

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Vương Đình Bấy

Cô. Đức Lợi

TS. Nguyễn Huy Bích

TS. Nguyễn Huy Bích

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 25/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD404 Nhóm : 05 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12154122	NGUYỄN XUÂN	PHONG	DH12OT	<i>Pan</i>	9	7	4	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13115324	TRẦN BẢO	PHONG	DH13CB	<i>phong</i>	7	8	2	4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13115329	NGÔ THỊ MINH	PHÚC	DH13CB	<i>Minh</i>	9	7	3	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	14118226	NGUYỄN TÂN	PHƯỚC	DH14CK	<i>phuc</i>	9	7	5	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13115084	NGUYỄN HOÀNG	PHƯƠNG	DH13GB	<i>V</i>			<i>V</i>		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12115051	HÀ THƯ	QUẢNG	DH12GN	<i>Thư</i>	0	7	1	2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12118079	VÕ HỒNG	QUỐC	DH12CK	<i>Quốc</i>	8	5	1	3,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13115353	TRẦN THỊ NHƯ	QUYÊN	DH13CB	<i>Như</i>	9	6	3	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13115092	NGÔ TÂN	SĨ	DH13CB	<i>Tân</i>	9	7	2	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	14137062	NGUYỄN NGỌC	SƠN	DH14NL	<i>Sơn</i>	7	5	1	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13115094	NGUYỄN TRÍ	TÀI	DH13CB	<i>Tài</i>	9	6	3	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13115383	KHUU XUÂN	THẠCH	DH13GB	<i>Thạch</i>	9	7	3	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	14153124	HÀ DUY	THÁI	DH14CD	<i>Thái</i>	9	8	4	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12154178	PHAN QUỐC	THÁI	DH12OT	<i>Quốc</i>	8	7	2,5	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10154038	NGUYỄN HOÀNG	THÀNH	DH10OT	<i>Hoàng</i>	9	8	3	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13115377	NGUYỄN NGỌC	THẢO	DH13CB	<i>Như</i>	5	7	4	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	09119038	BÙI TÂN	THỊNH	DH09CC17	<i>V</i>			<i>V</i>		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13153224	LÊ TỰ QUỐC	THÔNG	DH13CD	<i>Quốc</i>	9	9	10	9,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 25/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD404 Nhóm : 05 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13115403	TRẦN VĂN THUẬN	DH13GN	<i>Thuan</i>	6	7	5	5,6		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12344128	VÕ MINH THUẬN	CD12CI	<i>Minh</i>	2	6	1	2,2		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13115412	NGUYỄN THỊ ANH THƯ	DH13CB	<i>Thu</i>	8	8	2	4,4		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13115116	NGUYỄN HOÀNG THƯƠNG	DH13GB	<i>Thương</i>	8	5	1	3,2		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13115422	LÊ VĂN CÔNG TOẠI	DH13CB	<i>Toai</i>	6	9	2	4,2		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12118096	HỒ TRẦN TRUNG TRÍ	DH12CC	<i>Tri</i>	9	8	2	4,6		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13118060	PHẠM QUANG TRUNG	DH13CK	<i>Quang</i>	9	7	2,5	4,8		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12154043	DƯƠNG NHẬT TRƯỜNG	DH12OT	<i>Truong</i>				✓		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13115449	VÕ QUỐC TRƯỜNG	DH13CB	<i>Quoc</i>	8	8	2	4,4		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12154208	NGUYỄN HOÀNG TUẤN	DH12OT	<i>Tuan</i>				✓		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	14118301	NGUYỄN ĐĂNG TUYẾN	DH14CK	<i>Tuyen</i>				✓		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13115457	NGUYỄN THỊ TUYẾT	DH13CB	<i>Tuyet</i>	8	8	2	4,4		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	13115472	TRẦN THỊ YẾN VI	DH13CB	<i>Yen</i>	9	7	3,5	5,3		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12138135	PHẠM VĂN VŨ	DH12TD	<i>Vu</i>				✓		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13115142	TÔ TƯỜNG VY	DH13CB	<i>Tuong</i>	9	8	3	5,2		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 6 Hiện diện: 27

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Thanh Phong
Ng. Tân Phước

Kil
Nguyễn Văn Dũng

Bich
TS. Nguyễn Huy Bích

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Dung sai và kỹ thuật đo lường-207107

Ngày Thi : 09/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD106 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13154072	LÊ ĐÌNH AN	DH130T	V	/	/	/	/	/	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13154002	BÙI TUẤN ANH	DH130T	chú		4,1	8,5	0,5	5,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13118004	NGUYỄN THẾ BẢO	DH13CC	th		3,8	7,8	1,7	6,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13334023	LÊ TUẤN CHIÊN	CD13CI	chú		3,0	4,0	0	3,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12344022	NGUYỄN HOÀNG CÔNG	CD12CI	chú		3,0	4,0	0	3,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13118089	BÙI THANH CƯỜNG	DH13CC	Guay		3,5	3,3	0,8	4,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13118101	ĐOÀN QUỐC DŨNG	DH13CC	Dung		4,1	8,3	1,0	6,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13118096	MAI THÀNH DUY	DH13CC	z		4,4	9,3	2,7	7,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13118100	TRỊNH NGUYỄN MINH DUY	DH13CC	Duy		3,4	7,8	1,2	5,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13118009	NGUYỄN VĂN DƯ	DH13CC	Ph		2,7	3,7	1,0	4,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12344163	VĂN VĂN DƯ	CD12CI	upuy		3,6	8,2	1,2	5,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13334042	NGUYỄN TRIỆU DƯƠNG	CD13CI	Dương		2,7	4,5	1,5	4,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	08158034	TRẦN ĐẠI DƯƠNG	DH08SK17	Tr		2,5	5,0	1,2	4,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12154055	LÂM HỒNG ĐẠT	DH120T	Sh		4,0	6,3	4,1	7,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13118113	PHẠM THÀNH ĐẠT	DH13CC	pham		2,8	3,0	0	3,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13118114	TRẦN MINH ĐẠT	DH13CC	ph		4,4	7,7	1,3	6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13118120	TRẦN CƯ ĐƯỢC	DH13CC	Tr		4,4	8,2	1,5	6,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12154085	LÊ ĐÌNH TRƯỜNG GIANG	DH120T	Crang		2,1	6,0	1,2	3,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Dung sai và kỹ thuật đo lường-207107

Ngày Thi : 09/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD106 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13154018	HỒ THANH	HỆT	DH13OT	2	2,8	5,3	0,5	3,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13334061	NGUYỄN THẾ	HIẾN	CD13CI	2	3,1	8,3	1,3	5,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13118138	NGUYỄN VĂN	HIẾU	DH13CC	2	4,3	8,2	1,4	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13118146	NGUYỄN QUỐC	HÒA	DH13CC	2	3,6	8,3	1,4	5,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11344020	TRẦN VĂN	HỒ	CD11CI	2	1,9	7,7	0,5	3,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13118152	BÙI VĂN	HỢI	DH13CC	2	4,4	3,0	1,3	5,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13154122	ĐỖ THANH	HÙNG	DH13OT	2	/	/	/	/	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13334090	TRẦN DUY	HÙNG	CD13CI	2	/	/	/	/	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13334092	NGUYỄN VĂN	HỮU	CD13CI	2	2,7	5,0	0,2	3,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13118170	HUỶNH MINH	KHA	DH13CC	2	4,9	5,2	2,5	7,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13118183	TRƯƠNG NHỰT	KHÁNH	DH13CC	2	4,3	8,5	1,4	6,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13118026	NGUYỄN HOÀNG	LINH	DH13CC	2	3,5	9,3	1,5	6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12344048	NHỮ VĂN	LINH	CD12CI	2	4,1	6,8	1,2	6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13154142	CA THANH	LỘC	DH13OT	2	4,1	8,3	2,8	7,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện: :

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2









DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Dung sai và kỹ thuật đo lường-207107

Ngày Thi : 09/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD201 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13118202	NGUYỄN TÂN	LỘC	DH13CC	Tân	3,0	9,3	1,1	5,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	08118013	NGÔ VĂN	NGHĨA	DH08CK17	V	/	/	/	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13118031	TRƯƠNG MINH	NGHĨA	DH13CC	Minh	4,0	5,0	2,0	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13118219	TRỊNH ĐÌNH VŨ	NGỌC	DH13CC	Trinh	2,5	8,2	0,7	4,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13118220	NGUYỄN NGỌC	NGUYỄN	DH13CC	Ngoc	3,8	4,2	1,2	5,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13118037	NGUYỄN	NHẬT	DH13CC	Nguyen	3,8	8,7	0,7	5,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12344186	HUYỀN DUY	PHÁT	CD12CI	Huyen	2,9	6,3	0,7	4,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12344155	NGUYỄN VĂN	PHÊ	CD12CI	Phu	2,5	5,5	0	3,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13118236	ĐẶNG ĐÌNH	PHỔ	DH13CC	Pho	4,4	8,7	2,1	7,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13118038	TRẦN CẢNH	PHÚ	DH13CC	Phu	3,7	6,3	1,5	5,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13154046	VĂN VŨ HOÀNG	PHÚC	DH13OT	Phu	4,1	8,2	2,2	6,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13118238	HÀ THANH	PHƯƠNG	DH13CC	Phu	4,1	8,2	1,0	6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13118043	NGÔ THÀNH	QUỐC	DH13CC	Quoc	3,9	7,8	0,5	5,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13118250	BẠCH ĐÌNH	QUYẾT	DH13CC	Quy	3,5	7,2	1,0	5,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13334161	ĐẶNG CHIỀU	SINH	CD13CI	Phu	2,0	4,5	1,0	3,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13118046	KIM THÁI	SƠN	DH13CC	Phu	3,5	8,2	0,5	5,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13118257	VŨ TUÂN	SƠN	DH13CC	Son	4,3	8,7	1,2	6,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13118260	LÊ NGUYỄN THÀNH	TÀI	DH13CC	Phu	4,1	8,8	2,2	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Dung sai và kỹ thuật đo lường-207107

Ngày Thi : 09/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD201 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13154051	NGÔ TẤN TÀI	DH13OT	<i>xtc</i>		2,6	2,0	0,5	3,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13334172	NGUYỄN MINH TÂM	CD13CI	<i>Qu</i>		2,1	2,0	0,6	2,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12344197	NGUYỄN THÀNH TÂM	CD12CI	<i>Thân</i>		2,7	6,7	0,6	4,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13118267	TRƯƠNG MINH TÂM	DH13CC	<i>Minh</i>		4,4	8,7	3,0	7,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13118278	HUỖNH NGỌC THẠCH	DH13CC	<i>Thạch</i>		4,1	7,2	2,2	6,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13115398	ĐÌNH THỊ THU	DH13CB	<i>Thu</i>		3,4	8,0	2,8	6,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 01

Hiện diện: 23

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

N.V. Kiệp
N.V. Kiệp

Nguyễn Văn Kiệp
Nguyễn Văn Kiệp

TS. Nguyễn Văn Kiệp
TS. Nguyễn Văn Kiệp

Le Van Ban
Le Van Ban

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Dung sai và kỹ thuật đo lường-207107

Ngày Thi : 09/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD202 Nhóm : 01 Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13118056	VÕ ĐỨC TIẾN	DH13CC	Tiến		3,7	6,0	0,7	5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13118307	NGUYỄN TRIỆU TOÀN	DH13CC	Toàn		2,3	4,8	1,3	3,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12344181	VĂN ĐỨC TOÀN	CD12CI	Toàn		2,7	4,5	0	3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11158025	LÊ VĂN TRÀ	DH12SK	Trà		3,7	5,5	2,5	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13154062	HUYNH QUANG TRẠNG	DH13OT	Trang		2,1	8,2	1,8	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12344183	NGUYỄN VĂN TRÂM	CD12CI	V		/	/	/	V	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13118308	PHẠM VĂN TRĂNG	DH13CC	Trăng		4,4	9,2	0,8	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13118317	LÊ QUỐC TRUNG	DH13CC	Quốc		4,4	9,2	3,0	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13118318	NGUYỄN ĐỨC TRUNG	DH13CC	Đức		4,0	9,2	3,0	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13334227	PHẠM THANH TRUNG	CD13CI	V		/	/	/	V	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13118324	PHẠM NGỌC TRUYỀN	DH13CC	Truyền		2,7	5,0	0	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13118344	BÙI VĂN TÚ	DH13CC	Tú		2,8	4,0	0	3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13118334	NGUYỄN DUY TUẤN	DH13CC	Duy		2,7	8,3	1,4	4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12154208	NGUYỄN HOÀNG TUẤN	DH12OT	V		/	/	/	V	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13118342	NGUYỄN XUÂN TÙNG	DH13CC	Xuân		4,4	7,5	1,9	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13118063	LÊ VĂN TỰC	DH13CC	Tực		3,0	4,0	0	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13118347	MAI HOÀI TỰC	DH13CC	Hoài		3,6	8,0	1,4	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13154207	VÕ THANH VĂN	DH13OT	Thanh		4,4	8,5	2,9	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Dung sai và kỹ thuật đo lường-207107

Ngày Thi : 09/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD202 Nhóm : 01 Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13154068	PHẠM HIẾN VINH	DH13OT	<i>[Signature]</i>		2,8	6,3	1,5	4,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13118354	LÊ LƯƠNG TUẤN	DH13CC	V		/	/	X	V	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13118066	NGUYỄN THẾ	DH13CC	<i>[Signature]</i>		3,5	8,0	1,8	6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13334249	NGUYỄN TẤN	CD13CI	V		/	/	/	V	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13118360	ĐÀO THỊ HẢI	DH13CC	<i>[Signature]</i>		3,8	9,2	2,1	6,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 05
Cán bộ coi thi 1

Hiện diện: 18
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

[Signature]
Trương Q. Tuấn

[Signature]
Kiều V. Hùng

[Signature]
Đ. Việt Hùng Tiên

[Signature]
Lê Văn Nam

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Dung sai và kỹ thuật đo lường-207107

Ngày Thi : 09/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD203 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13154073	ĐẶNG TUẤN ANH	DH13OT	<i>Đặng Tuấn Anh</i>		2,1	0	0	2,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13118075	VŨ VĂN ANH	DH13CC	<i>Vũ Văn Anh</i>		2,8	6,8	0,5	4,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13154004	VÕ QUỐC BẢO	DH13OT	<i>Võ Quốc Bảo</i>		3,6	8,2	2,0	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13118080	NGUYỄN PHÚC BẢO	DH13CC	<i>Nguyễn Phúc Bảo</i>		3,3	8,3	1,0	5,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13154078	NGUYỄN THÁI BÌNH	DH13OT	<i>Nguyễn Thái Bình</i>		3,0	4,0	0	3,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13334018	NGUYỄN VĂN CẢNH	CD13CI	<i>Nguyễn Văn Cảnh</i>		3,6	8,8	2,3	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13154083	PHAN VĂN CHÂU	DH13OT	<i>Phan Văn Châu</i>		/	/	/	V	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13154084	TRẦN XUÂN CHÂU	DH13OT	<i>Trần Xuân Châu</i>		2	0	0	2,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13154005	LƯU CÔNG CHÍ	DH13OT	<i>Lưu Công Chí</i>		2,5	7,3	0,8	4,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13154006	HOÀNG MINH CHƯƠNG	DH13OT	<i>Hoàng Minh Chương</i>		1,2	4,8	2,2	3,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13118092	PHẠM HÙNG CƯỜNG	DH13CC	<i>Phạm Hùng Cường</i>		2,0	4,0	0,5	3,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13154090	VŨ VĂN CƯỜNG	DH13OT	<i>Vũ Văn Cường</i>		3,1	7,7	0,8	4,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13118095	LƯU TRẦN TẤN DUY	DH13CK	<i>Lưu Trần Tấn Duy</i>		2,4	9,5	1,8	5,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13154007	NGUYỄN HUỖNH DUY	DH13OT	<i>Nguyễn Huỳnh Duy</i>		4,0	8,5	2,0	6,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13118104	NGUYỄN ĐỒNG DƯƠNG	DH13CK	<i>Nguyễn Đồng Dương</i>		3,1	4,0	0,8	4,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13118110	PHẠM MINH ĐẠI	DH13CC	<i>Phạm Minh Đại</i>		3,2	4,5	1,3	4,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13118010	LÊ TIẾN ĐẠT	DH13CK	<i>Le Tiến Đạt</i>		3,6	5,0	1,6	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13334253	TRẦN TIẾN ĐẠT	CD13CI	<i>Trần Tiến Đạt</i>		/	/	/	V	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Dung sai và kỹ thuật đo lường-207107

Ngày Thi : 09/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD203 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13334048	NGÔ HUỖNH	ĐĂNG	CD13CI	<i>ch</i>	2,3	6,0	0,5	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13154012	NGUYỄN VĂN	DIỄN	DH13OT	<i>nguyễn</i>	3,5	4,8	1,2	5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13115026	NGUYỄN THÀNH	ĐỖ	DH13CB	<i>Đỗ</i>	2,5	4,0	0,5	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13334050	NGUYỄN TẤN	ĐỨC	CD13CI	<i>Đức</i>	3,0	7,5	0,6	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13118126	LÊ XUÂN	HÀ	DH13CC	<i>Hà</i>	4,0	8,5	2,0	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13154100	DƯƠNG MINH	HÀI	DH13OT	<i>V</i>	/	/	/	V	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13154017	NGUYỄN VĂN	HẬU	DH13OT	<i>V</i>	/	/	/	V	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13154106	PHAN VĂN	HẬU	DH13OT	<i>Phan</i>	4,4	8,0	1,0	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13334062	NGUYỄN VĂN	HIẾN	CD13CI	<i>V</i>	/	/	/	V	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13334070	THÁI MINH	HIỆP	CD13CI	<i>Thái</i>	4,4	4,8	1,8	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13154020	ĐÀU NGỌC	HIỆU	DH13OT	<i>Đầu</i>	2,9	0	1,0	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13154108	ĐỖ MINH	HIỆU	DH13OT	<i>Đỗ</i>	3,2	4,8	1,0	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	13118016	NGUYỄN TRUNG	HIỆU	DH13CK	<i>V</i>	/	/	/	V	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13118140	ĐẶNG NGỌC	HIỆU	DH13CK	<i>Đặng</i>	2,8	8,0	1,2	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	14118166	VÕ VĂN	HÒA	DH14CK	<i>Hòa</i>	1,7	0	0	1,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện: :

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Le Van Han

Nguyễn Thanh Phong

Tr. V. H. T. T. T. T.

Le Van Han

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Dung sai và kỹ thuật đo lường-207107

Ngày Thi : 09/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD204 Nhóm : 02 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13154023	NGUYỄN THANH MINH	HOÀNG	DH13OT	<i>Hoàng</i>			3,1 7,5 1,0 4,9		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13334077	ĐƯỜNG KHOA	HỌC	CD13CI	<i>Đường</i>			3,3 8,8 0,5 5,0		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	14118168	NGUYỄN THÁI	HỌC	DH14CK	<i>Thái</i>			4,0 1,7 1,8 5,5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13118162	HUYNH ĐỨC	HÙNG	DH13CC	<i>Hùng</i>			3,6 2,5 1,0 4,7		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13118168	PHẠM VĂN	HÙNG	DH13CC	<i>Hùng</i>			1,9 2,0 1,1 3,2		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12154123	VÕ THANH	HÙNG	DH12OT	<i>✓</i>	✓	✓	✓	✓	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13334079	ĐINH LÂM	HUY	CD13CI	<i>Lâm</i>			3,5 6,3 1,1 5,2		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13334081	NGUYỄN BÀ	HUY	CD13CI	<i>Bà</i>			2,4 4,5 2 3,1		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	14118173	DƯƠNG THẾ	HUYNH	DH14CC	<i>✓</i>	✓	✓	✓	✓	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13154026	TRẦN VĂN	KHÁ	DH13OT	<i>Khá</i>			3,2 8,2 2,2 6,0		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13118180	NGUYỄN HỒNG	KHÁNH	DH13CC	<i>Hồng</i>			2,0 4,8 1,0 3,4		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	14118185	HOÀNG NGUYỄN ANH	KHOA	DH14CK	<i>Anh</i>			3,2 7,3 1,0 5,0		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13154027	NGUYỄN LÊ	KHOA	DH13OT	<i>Lê</i>			2,8 7,0 0,8 4,4		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13118022	TRẦN ANH	KIỆT	DH13CC	<i>Anh</i>			2,0 0 0,6 2,4		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13118023	ĐOÀN NGUYỄN ANH	KIM	DH13CC	<i>Anh</i>			2,1 0,4 0,5 2,5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13118190	TRẦN VĂN	LA	DH13CC	<i>Văn</i>			4,0 8,2 1,6 5,4		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13154135	NGUYỄN TẤN	LÂM	DH13OT	<i>Tấn</i>			4,1 6,3 2,6 6,9		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13154030	PHẠM VĂN	LÂM	DH13OT	<i>Phạm</i>			3,4 4,7 0,7 4,6		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 02

Tổ : 002

Trang 2/2

Mã nhận dạng 01559

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Dung sai và kỹ thuật đo lường-207107

Ngày Thi : 09/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD204 Nhóm : 02 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13118196	LÊ VĂN LINH	DH13CC	<i>Linh</i>		3,4	8,0	1,0	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13154141	NGUYỄN THÀNH LONG	DH13OT	<i>Long</i>		3,4	6,8	2,0	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13154033	NGUYỄN PHƯỚC LỘC	DH13OT	<i>Phuoc</i>		4,0	4,7	0,8	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	14118038	THƯỢNG CÔNG LỘC	DH14CK	<i>Loc</i>		2,8	1,7	0,5	3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13154144	ĐOÀN LỢI	DH13OT	<i>Loan</i>		3,5	6,0	0,5	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13118203	NGUYỄN HỮU LỢI	DH13CC	<i>Huu Loi</i>		3,6	7,7	2,7	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13334119	NGUYỄN THANH LÝ	CD13CI	<i>Ly</i>	✓	/	/	/	V	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13154035	CHÂU VĨNH MINH	DH13OT	<i>Vinh</i>		3,5	5,7	3,8	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13118209	ĐỖ VĂN MINH	DH13CK	<i>Minh</i>		3,2	7,7	1,8	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13154147	NGUYỄN VĂN MINH	DH13OT	<i>Minh</i>		4,0	6,3	2,0	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13118214	TRẦN HOÀI NAM	DH13CK	<i>Nam</i>		3,3	7,5	1,3	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12115296	LÊ NGHĨA	DH12CB	<i>Nghia</i>		3,8	2,7	1,5	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	13118032	TRƯƠNG QUỐC NGHĨA	DH13CC	<i>Quoc Nghia</i>	✓	/	/	/	V	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13334133	LÊ HỮU NHÂN	CD13CI	<i>Huu Nhan</i>		2,5	7,3	1,3	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13118034	NGUYỄN MINH NHÂN	DH13CC	<i>Nhan</i>		1,9	4,8	0,5	3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 4

Hiện diện: 29

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Vương Đình Bằng

Tê Văn Tuấn

TS. Vương Văn Tân

Lê Văn Bình

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Dung sai và kỹ thuật đo lường-207107

Ngày Thi : 09/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD301 Nhóm : 02 Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13334138	ĐINH VĂN	PHI	CD13CI	<i>Đinh Văn</i>	3,1	5,5	0,2	4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13118232	BÙI TÂN	PHONG	DH13CK	<i>Bùi Tân</i>	4,1	8,3	1,8	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13154044	NGUYỄN THÀNH	PHÚC	DH13OT	<i>Nguyễn Thành</i>	3,2	7,3	1,3	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13154045	TĂNG HỒNG	PHÚC	DH13OT	<i>Tăng Hồng</i>	2,5	6,0	0,2	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13334152	VŨ CỒNG	QUANG	CD13CI	<i>Vũ Cồng</i>	2,5	7,7	0,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13154047	HÀ ANH	QUẦN	DH13OT	<i>Hà Anh</i>	3,4	3,0	1,8	5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13118042	PHẠM HOÀNG	QUÍ	DH13CC	<i>Phạm Hoàng</i>	/	/	V	V	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13334155	NGUYỄN TẤN	QUỐC	CD13CI	<i>Nguyễn Tấn</i>	2,2	5,0	0,6	3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13154165	NGUYỄN DUY	QUYỄN	DH13OT	<i>Nguyễn Duy</i>	1,7	0	0,2	1,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13118045	NGUYỄN VĂN	SANG	DH13CK	<i>Nguyễn Văn</i>	3,0	6,7	0,5	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13154049	NGUYỄN VĂN	SANG	DH13OT	<i>Nguyễn Văn</i>	2,7	4,2	0	3,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13154166	TRẦN VĂN	SÁU	DH13OT	<i>Trần Văn</i>	4,0	7,7	2,5	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13115092	NGÔ TẤN	SÍ	DH13CB	<i>Ngô Tấn</i>	2,9	4,2	0,8	4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13154052	LÊ TRUNG	TÁ	DH13OT	<i>Lê Trung</i>	3,8	8,0	1,5	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13334169	NGUYỄN VĂN	TÀI	CD13CI	<i>Nguyễn Văn</i>	2,8	5,0	0	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13334170	TỔNG MINH	TÀI	CD13CI	<i>Tổng Minh</i>	2,2	7,7	0,8	3,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13334171	TRẦN TÂN	TÀI	CD13CI	<i>Trần Tân</i>	1,9	0	0	1,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13334182	PHAN VĂN	THẠCH	CD13CI	<i>Phan Văn</i>	3,7	7,3	1,8	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Dung sai và kỹ thuật đo lường-207107

Ngày Thi : 09/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD301 Nhóm : 02 Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13154053	HÀ CHÍ THANH	DH13OT	<i>Phan</i>		2,6	1,7	4,8	4,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	13334181	TRẦN VĂN THÀNH	CD13CI	<i>Phan</i>		1,9	0	0,5	2,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
21	13115385	NGUYỄN NGỌC THANH	DH13CB	<i>Phan</i>		2,3	6,2	1,2	4,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	11344036	ĐỖ VĂN THẮNG	CD11CI	<i>Phan</i>		1,8	7,2	0,7	3,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	13118053	TRẦN THẾ THIÊN	DH13CC	<i>Phan</i>		4,3	8,5	2,5	7,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	13154055	TRƯƠNG NGỌC THIÊN	DH13OT	<i>Phan</i>		2,5	4	0,5	3,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	13118284	LÂM VĂN THIẾT	DH13CC	<i>Phan</i>		3,6	7,5	1,0	5,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng: 1 Hiện diện: 24

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Phan Minh Kiên

Phạm Duy Lam

TS. Võ Văn Tiến

Lê Văn Bình

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Dung sai và kỹ thuật đo lường-207107

Ngày Thi : 09/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD302 Nhóm : 02 Tổ : 004

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13154183	NGUYỄN VĂN THOM	DH13OT	<i>Thom</i>		3,3	8,0	1,2	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12344128	VÕ MINH THUẬN	CD12CI	<i>Sub</i>		2,5	7,5	2,0	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13154185	ĐÌNH NGỌC THỨC	DH13OT	<i>huy</i>		3,1	6,0	1,2	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13154186	LỮ MINH TIẾN	DH13OT	<i>Minh</i>		3,2	6,5	0,5	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13118298	NGUYỄN VĂN TIẾN	DH13CC	<i>Phen</i>		2,5	3,3	0,4	3,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13154187	PHẠM TRUNG TÍN	DH13OT	<i>Minh</i>		3,1	8,0	1,7	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13334214	TRẦN QUỐC TÍN	CD13CI	<i>Sub</i>		1,7	4,8	0,5	2,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13118365	TRẦN VĂN TỊNH	DH13CC	<i>Minh</i>		2,2	8,2	2,6	5,25	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13334216	PHẠM VĂN TOÀN	CD13CI	<i>Toan</i>		2	6,8	0,8	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13154064	ĐẶNG DUY TRUNG	DH13OT	<i>Phen</i>		3,4	7,3	0,5	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13118319	NGUYỄN HUY TRUNG	DH13CC	<i>Phen</i>		2,8	3,7	2,0	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13118323	BÙI VĂN TRUYỀN	DH13CC	<i>Phen</i>		3,6	8,2	1,2	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13118326	NGUYỄN NHẬT TRƯỜNG	DH13CC	<i>Phen</i>		3,2	6,8	0,5	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13154198	LÊ ANH TUẤN	DH13OT	<i>Phen</i>		2,3	8,0	1,2	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13118333	NGUYỄN ANH TUẤN	DH13CC	<i>Phen</i>		2,8	8,5	0,4	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13118061	NGUYỄN DUY TUẤN	DH13CC	<i>Phen</i>		3,8	8,3	0,7	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	14118089	NGUYỄN NHẬT TUYẾN	DH14CC	<i>Phen</i>		3,1	6,0	1,5	5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13154204	TRẦN PHƯỚC TƯỜNG	DH13OT	<i>Phen</i>		1,5	2,8	1,0	2,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Dung sai và kỹ thuật đo lường-207107

Ngày Thi : 09/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD302 Nhóm : 02 Tổ : 004

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13118064	NGUYỄN VĂN TYL	DH13CK	<i>tyl</i>		2,3	2,5	0,5	3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13154205	NGUYỄN VĂN ÚT	DH13OT	<i>Út</i>		2,7	9,7	0,5	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13118349	DƯƠNG ĐỨC VINH	DH13CC	<i>Vinh</i>		4,1	7,8	1,8	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13118065	LƯƠNG HOÀI VINH	DH13CC	<i>Vinh</i>		4,3	5,5	2,0	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13115474	NGUYỄN THANH VINH	DH13CB	<i>Thanh</i>		3,1	6,3	0,5	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12118103	TỔNG THANH VINH	DH12CC	<i>Thanh</i>		3,7	8,0	2,5	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13154070	NGUYỄN VÕ HOÀNG VŨ	DH13OT	<i>Vũ</i>		2,8	4,3	2,5	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13118359	VŨ GIA VŨ	DH13CK	<i>Vũ</i>		3,5	3,0	1,5	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 26

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ng Thị Hồng Diệp

Vũ Bá Xích

Tr. Vũ Văn Tiến

Le Văn Bạt

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật-207108

Ngày Thi : 19/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD202 Nhóm : 04 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (30%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	14154067	ĐỖ ĐỨC ANH	DH14OT	<i>Đỗ Đức Anh</i>		15	2,0	1,5	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	14115429	LÊ ĐÌNH BẢO	DH14GN	<i>Lê Đình Bảo</i>		20	0,0	1,0	3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	14154003	NGUYỄN CHỈ	DH14OT	<i>Nguyễn Chỉ</i>			V	V	0,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	14154005	NÔNG CHỈ	DH14OT	<i>Nông Chỉ</i>		2,3	1,5	1,0	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	14154006	PHẠM VĂN BẢO	DH14OT	<i>Phạm Văn Bảo</i>		2,5	1,0	2,0	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	14153067	NGUYỄN KHẮC BÔNG	DH14CD	<i>Nguyễn Khắc Bông</i>		1,8	0,5	1,5	3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	14153068	NGUYỄN HOÀNG ANH	DH14CD	<i>Nguyễn Hoàng Anh</i>		2,3	0,0	1,5	3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	14153009	LÊ MẠNH CƯỜNG	DH14CD	<i>Lê Mạnh Cường</i>		1,3	0,5	1,5	3,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	14154076	NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	DH14OT	<i>Nguyễn Quốc Cường</i>		1,5	1,0	1,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	14154077	NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	DH14OT	<i>Nguyễn Quốc Cường</i>		2,8	1,3	1,0	5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	14115290	PHẠM VĂN CƯỜNG	DH14CB	<i>Phạm Văn Cường</i>		1,5	1,0	1,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13154089	PHẠM VIỆT CƯỜNG	DH13OT	<i>Phạm Việt Cường</i>		0,3	0,0	1,5	1,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	14154079	NGUYỄN THỊ BÍCH DÂN	DH14OT	<i>Nguyễn Thị Bích Dân</i>		2,8	1,0	1,5	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	14154080	NGUYỄN HOÀNG DIẾN	DH14OT	<i>Nguyễn Hoàng Diện</i>		1,3	0,0	1,0	2,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	14115015	NGUYỄN THỊ THỦY DUNG	DH14CB	<i>Nguyễn Thị Thủy Dung</i>		2,3	1,5	1,5	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	14138005	PHẠM QUỐC DŨNG	DH14TD	<i>Phạm Quốc Dũng</i>		1,8	0,5	1,5	3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13115018	LÊ THỊ DUYÊN	DH13CB	<i>Lê Thị Duyên</i>		3,0	0,0	1,0	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13115180	TRẦN THỊ ÁI DUYÊN	DH13CB	<i>Trần Thị Ái Duyên</i>		3,0	0,5	1,5	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật-207108

Ngày Thi : 19/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD202 Nhóm : 04 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	14154012	NGUYỄN TUẤN	ĐẠT	DH14OT			2,0	0,0	1,5	3,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	14153075	ĐỖ MINH	ĐỀ	DH14CD			2,0	0,5	1,0	3,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	14154013	TRƯƠNG NHỰT	ĐIỀN	DH14OT			1,8	0,5	1,5	3,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13115025	TRẦN QUANG	ĐỊNH	DH13CB			2,0	0,0	1,0	3,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	14154014	ĐOÀN MINH	ĐỘ	DH14OT			2,0	1,0	1,5	4,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	14138009	HOÀNG VĂN ANH	ĐỨC	DH14TD			2,5	0,5	1,0	4,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	14154015	HUỲNH THIÊN	ĐỨC	DH14OT			2,5	1,0	1,5	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	14138049	NGUYỄN MINH	HÀI	DH14TD			V	V	V	0,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13115208	TRƯƠNG THỊ MINH	HIỀN	DH13CB			2,8	0,5	1,0	4,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 2

Hiện diện: 25

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Thanh Phong
Tô Văn Tuấn

TS. Nguyễn Huy Bích

Nguyễn Thanh Phong
Ng T. Kiều Hằng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật-207108

Ngày Thi : 19/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD203 Nhóm : 04 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tử	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	14154093	TRƯƠNG BỬU	HIỆP	DH14OT	<i>Bbu</i>	2,8	0,5	1,5	4,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	14138051	LÊ VĂN	HIẾU	DH14TD	<i>Hieu</i>	2,5	0,3	1,0	3,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	14154098	LÊ THÁI	HÒA	DH14OT	<i>Huy</i>	2,3	0,5	1,5	4,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	14153085	HUYỀN THANH	HOÀI	DH14CD	<i>Hoai</i>	2,8	2,0	1,0	5,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	14154094	TRẦN THANH	HOÀNG	DH14OT	<i>Hoang</i>	2,5	1,3	2,0	5,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	14154096	TRẦN THANH	HOÀNG	DH14OT	<i>Hoang</i>	3,5	1,3	1,5	6,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	14154099	NGUYỄN ANH	HUY	DH14OT	<i>Huy</i>	2,8	1,5	1,5	5,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	14154102	NGUYỄN ĐÌNH	HUY	DH14OT	<i>H</i>	3,0	1,8	1,5	6,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	14154022	NGUYỄN KHÁNH	HUY	DH14OT	<i>V</i>	V	V	V	0,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	14154025	NGUYỄN PHÚC	HƯNG	DH14OT	<i>Phuc</i>	2,5	1,0	4,5	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	14154105	PHẠM NGỌC	HƯNG	DH14OT	<i>Phuoc</i>	2,0	0,8	1,0	3,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	14138056	VÕ THÀNH	HƯNG	DH14TD	<i>Thuc</i>	3,0	1,8	2,0	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	14138014	TRẦN QUANG	KHÁI	DH14TD	<i>Quang</i>	2,8	2,0	1,5	6,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	14138057	NGUYỄN TRIỀU	KHANG	DH14TD	<i>Khang</i>	2,0	0,5	1,0	3,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	14154112	NGUYỄN HOÀNG	KHƯƠNG	DH14OT	<i>Khue</i>	2,8	0,3	1,0	4,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	14154029	VÕ ANH	KIỆT	DH14OT	<i>Anh</i>	2,0	0,3	0,5	2,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	14115059	DƯƠNG THỊ THANH	LAM	DH14CB	<i>Lam</i>	2,3	1,0	0,5	3,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13115265	LÊ THỊ BÍCH	LOAN	DH13GB	<i>Bich</i>	2,8	0,8	1,0	4,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật-207108

Ngày Thi : 19/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD203 Nhóm : 04 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13118199	ĐÀO HUY	LONG	DH13CK	<i>Đào Huy</i>	2,0	0,5	1,0	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	14138064	LÊ ĐÌNH	LONG	DH14TD	<i>Lê Đình</i>	3,0	2,0	1,0	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	14154032	NGUYỄN VĂN HOÀNG	LONG	DH14OT	<i>V.</i>	V	V	V	0,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	14153102	HỒ BẢO	LỘC	DH14CD	<i>Hồ Bảo</i>	2,3	0,8	1,0	4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	14154033	TRẦN PHẠM	LỘC	DH14OT	<i>Trần Phạm</i>	2,5	1,0	1,0	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	14154034	ĐỖ TRỌNG	LỖI	DH14OT	<i>Đỗ Trọng</i>	2,8	1,0	1,0	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13334114	NGUYỄN THÀNH	LUÂN	CD13CI	<i>Nguyễn Thành</i>	1,3	0,3	1,0	2,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	14115076	TRẦN MY	MY	DH14CB	<i>Trần My</i>	2,0	1,8	1,0	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	14138020	LÊ	NGHIÊM	DH14TD	<i>Lê Nghiêm</i>	2,8	1,0	1,5	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	14138071	NGUYỄN THỊ KIỀU	NGOAN	DH14TD	<i>Nguyễn Thị Kiều</i>	3,0	1,8	2,5	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13115293	NGUYỄN THANH KIM	NGỌC	DH13CB	<i>Nguyễn Thanh Kim</i>	3,0	0,5	1,5	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	14154127	NGUYỄN VĂN	NHÂN	DH14OT	<i>Nguyễn Văn</i>	2,8	1,5	0,5	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	14154039	NGUYỄN HOÀI	NHÂN	DH14OT	<i>Nguyễn Hoài</i>	2,5	1,0	1,0	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	14115346	NGUYỄN THIỆN	NHÂN	DH14GB	<i>V</i>	V	V	V	0,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	14153040	PHẠM THỊ	NHÂN	DH14CD	<i>Phạm Thị</i>	2,3	1,0	1,0	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	13115316	PHAN THỊ MỸ	NỮ	DH13CB	<i>V</i>	V	V	V	0,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	14154131	NGUYỄN TÂN	PHÁT	DH14OT	<i>Nguyễn Tân</i>	2,5	1,0	2,5	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	14154133	TRƯƠNG THÁI	PHI	DH14OT	<i>Trương Thái</i>	1,8	0,8	1,5	4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 04

Tổ : 003

Trang 1/2

Mã nhận dạng 01571

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật-207108

Ngày Thi : 19/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD204 Nhóm : 04 Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	14138023	LÊ HOÀNG PHÚC	DH14TD			2,8	0,0	1,5	4,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	14153112	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	DH14CD			V	V	V	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12138127	PHAN THANH QUÍ	DH12TD			1,0	9,0	1,5	2,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13115353	TRẦN THỊ NHƯ	DH13CB			3,0	0,0	1,0	4,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	14154044	ĐIỀU QUYẾT	DH14OT			1,8	0,3	1,5	3,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	14154137	ĐỖ TIẾN QUỲNH	DH14OT			2,3	0,3	1,5	4,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	14154045	MAI XUÂN SANH	DH14OT			3,0	1,0	1,0	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	14138083	NGUYỄN HỒNG SƠN	DH14TD			2,5	2,0	1,0	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13154167	NGUYỄN TRẦN ANH	DH13OT			2,3	0,0	1,5	3,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	14154047	NGUYỄN QUỐC SỰ	DH14OT			2,5	1,0	1,5	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	14153117	PHẠM QUỐC SỸ	DH14CD			3,0	1,0	4,0	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	14153124	HÀ DUY THÁI	DH14CD			2,3	1,3	3,5	7,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	14138088	NGUYỄN ĐĂNG TRUNG THÀNH	DH14TD			3,0	2,0	2,5	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	14154051	NGUYỄN TRỌNG THÀNH	DH14OT			2,3	0,8	1,5	4,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	14154143	TRẦN HỮU THÀNH	DH14OT			2,5	1,0	1,5	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13115386	NGUYỄN THỊ THANH	DH13CB			2,5	1,0	2,0	5,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	14154146	NGUYỄN TRUNG THIÊN	DH14OT			3,5	2,0	1,5	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	14154058	LÊ ĐÌNH THUẬN	DH14OT			2,5	0,3	1,0	3,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật-207108

Ngày Thi : 19/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD204 Nhóm : 04 Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13154060	NGUYỄN LÂM THUẬN	DH13OT	<i>[Signature]</i>		1,3	0,0	1,0	2,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	14138031	TỔNG NGỌC ANH	THƯ	<i>[Signature]</i>		3,0	2,0	1,5	6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	14115250	CHÂU NGỌC THƯƠNG	DH14GN	<i>[Signature]</i>		2,8	0,0	1,5	4,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	14154060	TẶNG QUỐC TIẾN	DH14OT	<i>[Signature]</i>		V	V	V	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	14154061	TRƯƠNG NGỌC TÍN	DH14OT	<i>[Signature]</i>		2,3	1,0	1,5	4,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	14115453	HÀ TRANG	DH14CB	<i>[Signature]</i>		V	V	V	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	14153055	MAI CAO TRÍ	DH14CD	<i>[Signature]</i>		V	V	V	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13115444	TRẦN TRUNG TRÍ	DH13CB	<i>[Signature]</i>		3,0	0,3	1,5	4,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13334219	NGUYỄN VĂN TRIỀU	CD13CI	<i>[Signature]</i>		1,3	0,3	1,5	3,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13115441	TRẦN THỊ DIỄM TRINH	DH13CB	<i>[Signature]</i>		3,0	0,3	1,5	4,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	14154062	NGUYỄN THẾ TRỌNG	DH14OT	<i>[Signature]</i>		V	V	V	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	14154063	VÕ ĐÌNH TRƯỜNG	DH14OT	<i>[Signature]</i>		2,3	0,0	2,0	4,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	14154160	VŨ DUY TÚ	DH14OT	<i>[Signature]</i>		3,3	0,8	4,5	8,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	14153056	DỤNG MINH TUÂN	DH14CD	<i>[Signature]</i>		1,5	0,5	0,5	2,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13334233	NGUYỄN HOÀNG TUÂN	CD13CI	<i>[Signature]</i>		1,0	0,0	1,5	2,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	14154157	TRẦN VĂN TUÂN	DH14OT	<i>[Signature]</i>		1,5	0,0	0,5	2,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	14153059	PHẠM NGỌC TUYẾN	DH14CD	<i>[Signature]</i>		3,0	1,5	1,5	6,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	13115464	ĐỖ THỊ MINH TƯ	DH13GB	<i>[Signature]</i>		3,0	1,0	1,5	5,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ lưu chất-207202

Ngày Thi : 16/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD103 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13118070	LÊ HỒNG ANH	DH13CC	Anh		9.0	7.0	4.5	5.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13118075	VŨ VĂN	DH13CC	Vũ		9.0	5.5	5.25	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13118004	NGUYỄN THẾ BẢO	DH13CC	Bảo		9.0	4.0	6.0	6.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13153046	HUỖNH CÔNG CHÍNH	DH13CD	Chí		8.0	6.5	4.75	5.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13138029	NGÔ THẾ CHUNG	DH13TD	Thế		9.0	9.0	7.25	7.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	14153010	TRẦN VŨ ANH DUY	DH14CD							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	14153012	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	DH14CD	Đạt		9.0	6.0	4.25	5.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13118120	TRẦN CỰ ĐƯỢC	DH13CC	Cự		8.0	8.0	6.75	7.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13153084	NGUYỄN TRÚC GIANG	DH13CD	Trúc		8.0	7.0	7.0	7.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12138060	NGUYỄN VĂN HẢI	DH12TD							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13118014	BÙI VĂN HẢO	DH13CC	Hảo		8.0	7.5	4.75	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	14153079	BÙI VĂN HÂN	DH14CD	Hân		8.0	5.5	4.25	5.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	14118155	HUỖNH CAO TRUNG HẬU	DH14CK							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13153093	PHÙNG VĂN HẬU	DH13CD	Hậu		7.0	4.5	4.25	5.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13118146	NGUYỄN QUỐC HÒA	DH13CC	Hòa		9.0	4.0	4.75	5.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	14154096	TRẦN THANH HOÀNG	DH14OT	Hoàng		8.0	6.0	9.5	8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13118168	PHẠM VĂN HÙNG	DH13CC	Hùng		7.0	6.0	1.5	3.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	14154022	NGUYỄN KHÁNH HUY	DH14OT	Khánh		7.0	5.0	4.5	5.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ lưu chất-207202

Ngày Thi : 16/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD103 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	14154104	HUỖNH VĂN HƯNG	DH14OT	<i>Huỳnh Văn Hưng</i>		6.0	4.5	3.25	4.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13334102	PHẠM TRUNG KIẾN	CD13CI	<i>Phạm Trung Kiên</i>		6.0	5.0	3.25	4.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13118022	TRẦN ANH KIẾT	DH13CC	<i>Trần Anh Kiệt</i>		9.0	5.0	6.5	6.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	14153031	LÊ NHẬT NAM	DH14CD	<i>Le Nam</i>		6.0	6.0	5.0	5.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	14154123	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	DH14OT			/	/	/	/	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	14153033	NGUYỄN SĨ ĐẠI	DH14CD	<i>Nguyễn Sĩ Đại</i>		6.0	6.5	0.75	3.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12154113	LÊ ĐẠI NGHĨA	DH12OT	<i>Le Dai Nghia</i>		6.0	7.0	7.0	7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	14154126	PHẠM ÁNH NGỌC	DH14OT	<i>Phạm Ánh Ngọc</i>		8.0	2.0	5.25	5.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 4 Hiện diện: 22

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

TS. Nguyễn Huy Bích

TS. Bùi Ngọc Hùng

N.V. Kiệp
N.V. Kiệp

Nguyễn Thanh Phong
Nguyễn Thanh Phong

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ lưu chất-207202

Ngày Thi : 16/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD104 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13118220	NGUYỄN NGỌC	NGUYỄN	DW		9.0	5.0	5.25	5.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	14118210	NGUYỄN MINH	NHẬT	hut		6.0	5.5	4.75	5.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12115098	ĐÀO HỒNG	NHIÊN				/	/	/	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13137103	NGUYỄN TĂNG	PHÁT			/	/	/	/	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13153172	NGUYỄN TIẾN	PHONG	Phong		8.0	1.0	3.0	3.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13118236	ĐẶNG ĐÌNH	PHỐ	pho'		9.0	9.0	8.0	8.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13118038	TRẦN CẢNH	PHÚ	P		9.0	5.5	5.75	6.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	14118226	NGUYỄN TẤN	PHƯỚC	Phuoc		9.0	7.5	8.25	8.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13118238	HÀ THANH	PHƯƠNG	Phuong		8.0	9.0	5.0	6.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13153018	DIỆP CHÍ	QUÂN	Quân		9.0	5.5	3.75	5.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13118260	LÊ NGUYỄN THÀNH	TÀI	Thanh		9.0	9.0	8.75	8.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	14154049	HOÀNG NGỌC	TẤN	Hoang		7.0	7.5	4.75	5.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13118284	LÂM VĂN	THIỆT	Lam		7.0	6.0	6.0	6.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	14138098	HUYỀN QUỐC	THÔNG	Huyen		9.0	7.0	4.25	5.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	14153133	NGUYỄN VĂN	THUẬN	T		8.0	5.5	4.5	5.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13118323	BÙI VĂN	TRUYỀN	Bui		9.0	5.0	5.75	6.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13118324	PHẠM NGỌC	TRUYỀN	Pham		9.0	7.0	3.75	5.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12154124	TRƯƠNG THANH	TRƯỜNG	Truong		8.0	5.0	5.5	5.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ lưu chất-207202

Ngày Thi : 16/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD104 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13118331	HOÀNG VĂN TUẤN	DH13CC			9.0	7.5	4.5	5.9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13118334	NGUYỄN DUY TUẤN	DH13CC			8.0	5.0	5.0	5.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13118339	NGUYỄN MINH TUYẾN	DH13CK			6.0	4.0	4.0	4.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13118347	MAI HOÀI TỰU	DH13CC			9.0	6.5	5.0	6.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	14118308	LÊ TRỌNG VẤN	DH14CC							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13118353	HOÀNG ĐỨC VŨ	DH13CC			9.0	6.0	4.25	5.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13118354	LÊ LƯƠNG TUẤN	DH13CC			9.0	4.5	4.0	5.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện: :

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Phạm Đức Dũng

Ngô Hải Đăng

TS. Nguyễn Huy Bích

TS. Bùi Ngọc Hùng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 05

Tổ : 001

Trang 1/2

Mã nhận dạng 01632

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ lưu chất-207202

Ngày Thi : 16/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD203 Nhóm : 05 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13118071	MAI CÔNG ANH	DH13CK	<i>[Signature]</i>		6.0	6.0	7.5	7.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12154030	LÊ QUỐC BẢO	DH120T	<i>[Signature]</i>		5.0	5.5	6.0	6.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12154039	TRẦN TIẾN DŨNG	DH120T	<i>[Signature]</i>		-	3.0	6.0	4.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13118009	NGUYỄN VĂN DƯ	DH13CC	<i>[Signature]</i>		6.0	4.0	4.5	5.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13138003	LƯƠNG ĐÌNH ĐỒNG	DH13TD	<i>[Signature]</i>		8.0	6.0	3.75	5.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13118121	NGUYỄN ĐOÀN ĐỨC	DH13CK	<i>[Signature]</i>		-	4.0	4.75	3.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13334050	NGUYỄN TẤN ĐỨC	CD13CI	<i>[Signature]</i>		6.0	3.0	4.25	4.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13118132	NGUYỄN VĂN HẢI	DH13CK	<i>[Signature]</i>		7.0	4.5	5.5	5.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13138068	HOÀNG MINH HIẾU	DH13TD	<i>[Signature]</i>		7.0	5.5	4.5	5.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13118020	NHỮ SỸ HÙNG	DH13CK	<i>[Signature]</i>		8.0	6.0	9.0	8.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13118170	HUYỀN MINH KHA	DH13CC	<i>[Signature]</i>		8.0	8.0	8.0	8.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	14154027	CAO HOÀNG KHANH	DH140T	<i>[Signature]</i>		6.0	5.0	6.25	6.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13118183	TRƯƠNG NHƯT KHÁNH	DH13CC	<i>[Signature]</i>		8.0	3.5	9.0	7.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13138096	VŨ ANH KHOA	DH13TD	<i>[Signature]</i>		9.0	4.0	2.25	4.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13118023	ĐOÀN NGUYỄN ANH KIM	DH13CC	<i>[Signature]</i>		6.0	4.0	3.75	4.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13138103	NGUYỄN ĐÌNH LÂN	DH13TD	<i>[Signature]</i>		6.0	5.0	6.25	6.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13118197	NGUYỄN CHÍ LINH	DH13CK	<i>[Signature]</i>		6.0	6.0	7.5	7.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13118026	NGUYỄN HOÀNG LINH	DH13CC	<i>[Signature]</i>		6.0	5.5	6.0	6.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ lưu chất-207202

Ngày Thi : 16/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD203 Nhóm : 05 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13118202	NGUYỄN TÂN	LỘC	DH13CC	<i>hào</i>	80	65	7.0	7.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13138113	PHẠM HỮU	LUÂN	DH13TD						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13138117	NGUYỄN QUỐC	MANH	DH13TD	<i>Quốc</i>	60	20	4.25	4.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	14154119	NGUYỄN VĂN	MINH	DH14OT	<i>Minh</i>	70	60	6.0	6.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 01 Hiện diện: : 21

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Hữu Hòa

Nguyễn Hải Triều

Bích

TS. Nguyễn Huy Bích

TS. Bùi Ngọc Hùng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ lưu chất-207202

Ngày Thi : 16/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD204 Nhóm : 05 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13153016	NGUYỄN MINH NGỌC	DH13CD	Ngọc pháp		70	30	535	58	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12344102	DƯƠNG QUỐC PHÁP	CD12CI			60	50	625	64	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13138150	NGUYỄN THANH PHONG	DH13TD							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13138152	HOÀNG XUÂN PHÚ	DH13TD	Phu		80	50	425	54	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	14153044	BÙI ĐỨC PHƯƠNG	DH14CD	Đức		70	40	55	76	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13118250	BACH ĐÌNH QUYẾT	DH13CC	Đức		90	60	55	64	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13137122	ĐỖ KHÁNH TÂM	DH13NL	Đỗ		70	85	735	81	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13118267	TRƯỜNG MINH TÂM	DH13CC	Trường		80	95	925	93	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13118278	HUYỀN NGỌC THACH	DH13CC	Thach		90	90	10	97	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12154178	PHAN QUỐC THÁI	DH12OT	Phan		60	30	425	48	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13138201	VĂN THIÊN THẮNG	DH13TD	Thắng		70	40	35	46	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	14154054	NGUYỄN TUẤN THI	DH14OT			-		-		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13118056	VÕ ĐỨC TIẾN	DH13CC	Đức		60	55	50	57	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13138219	HỒ TIẾP	DH13TD	Hồ		70	50	725	71	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13118306	NGUYỄN CHU TOÀN	DH13CC	Chu		70	50	50	57	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12153151	PHẠM VĂN TOÀN	DH12CD	Phạm		70	55	65	67	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13118058	LÊ QUANG TRỌNG	DH13CX	Trọng		80	50	70	70	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13118326	NGUYỄN NHỰT TRƯỜNG	DH13CC	Nhật		60	50	35	47	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ lưu chất-207202

Ngày Thi : 16/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD204 Nhóm : 05 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13118061	NGUYỄN DUY TUẤN	DH13CC			6.0	5.5	7.25	7.1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	14153058	NGUYỄN VĂN TUẤN	DH14CD			-	7.5	7.75	6.2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
21	13118066	NGUYỄN THẾ VŨ	DH13CC			6.0	4.0	5.0	5.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng: 02 Hiện diện: 19

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2


Thi Hồng Khanh


Phạm Duy Lam

Xác nhận của khoa/bộ môn


TS. Nguyễn Huy Bích

Cán bộ chấm thi 1


TS. Bùi Ngọc Hùng

Cán bộ chấm thi 2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ lưu chất-207202

Ngày Thi : 16/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD302 Nhóm : 06 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13334001	VÕ NGỌC AN	CD13CI	An	-	-	-	5.0	3.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	14154067	ĐỖ ĐỨC ANH	DH140T	Anh	6.0	4.5	6.5	6.4		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	14154006	PHẠM VĂN BẢO	DH140T	Bao	6.0	6.0	5.75	6.3		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13154004	VÕ QUỐC BẢO	DH130T	Bao	7.0	5.0	7.0	6.9		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12153001	TRẦN QUỐC BÙU	DH12CD	Buu	8.0	6.0	7.5	7.5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13154005	LƯU CÔNG CHÍ	DH130T	Chi	-	5.0	7.0	5.2		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	14153068	NGUYỄN HOÀNG ANH CHIẾN	DH14CD	Chien	6.0	4.5	5.0	5.5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	14118117	LÊ TIẾN CÔNG	DH14CK	Con	6.0	4.5	4.0	4.9		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13154088	ĐÀO THẾ CƯỜNG	DH130T	Cuong	7.0	5.5	7.0	7.0		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12137002	LÊ HÙNG CƯỜNG	DH12NL	Cuong	6.0	7.0	9.25	8.6		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13118092	PHẠM HÙNG CƯỜNG	DH13CC	Cuong	6.0	4.0	4.0	4.8		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12138034	NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG DƯƠNG	DH12TD	Duong	6.0	4.0	2.75	4.1		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12153053	DƯƠNG NGỌC ĐA	DH12CD	Da	7.0	5.0	4.75	5.6		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13138002	TRƯƠNG QUANG ĐẠI	DH13TD	Da	6.0	7.5	6.0	6.7		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13334047	TRẦN QUỐC ĐẠT	CD13CI	Da	-	-	1.0	0.6		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	14118017	NGUYỄN THANH ĐIỂN	DH14CC	Diep	6.0	4.5	3.5	4.6		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12154080	NGUYỄN PHƯƠNG ĐÔNG	DH12OT	Phieu	6.0	7.0	7.25	7.4		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13138052	TÔ MINH DỨC	DH13TD	Duc	8.0	6.5	6.0	6.7		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ lưu chất-207202

Ngày Thi : 16/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD302 Nhóm : 06 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	14154090	HỒ THANH HẢI	DH14OT	<i>Hải</i>		60	65	525	6.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13154015	NGUYỄN TẤN HẢI	DH13OT	<i>Hải</i>		60	55	90	8.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13118015	VÕ ĐÌNH HẢI	DH13CK	<i>Hải</i>		60	50	475	5.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	14154091	NGUYỄN VĂN HẠNH	DH14OT	<i>Hạnh</i>		60	40	35	4.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13138064	TRẦN VĂN HẠNH	DH13TD			-	40	-		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13137058	MAI HOÀNG HIỆP	DH13NL	<i>Hiệp</i>		70	60	85	8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12138014	ĐOÀN TRỌNG HIỆU	DH12TD							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	14154019	LÊ MINH HIỆU	DH14OT			-	45	-		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13138079	NGUYỄN TRẦN MINH HOÀNG	DH13TD	<i>Hoàng</i>		70	40	55	5.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13334078	BIỆN NGÔ SỸ HUY	CD13CI							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12154087	MÃ NHẬT HUY	DH12OT	<i>Huy</i>		50	65	325	4.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 04 Hiện diện: 25

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Hand
Bùi Công Khanh

Trương Quang Trường
Trương Quang Trường

Bích
TS. Nguyễn Huy Bích

Hùng
TS. Bùi Ngọc Hùng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ lưu chất-207202

Ngày Thi : 16/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD303 Nhóm : 06 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13153115	NGUYỄN PHÚC HUY	DH13CD			80	60	5.0	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12118084	TRẦN QUANG HƯNG	DH12CC			60	55	4.25	5.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13138093	BÙI ĐỨC KHÁ	DH13TD			70	80	7.25	7.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13138007	TRẦN NGỌC KHẢI	DH13TD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13153127	PHẠM QUỐC KHÁNH	DH13CD			90	65	6.75	7.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13153129	NGUYỄN ĐÌNH ĐĂNG KHOA	DH13CD			90	70	4.25	5.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13137081	VŨ ĐÌNH NGUYỄN KHUÔNG	DH13NL			70	30	6.25	6.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	14154028	ĐẶNG TUẤN KIẾT	DH14OT			80	35	7.25	6.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12153092	NGUYỄN ANH KIẾT	DH12CD			60	60	5.25	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13138109	TRẦN HOÀI LINH	DH13TD			60	70	5.0	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10153070	NGUYỄN DUY LONG	DH10CD			70	30	4.0	4.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13138260	HOÀNG ĐỨC LƯƠNG	DH13TD			70	60	6.25	6.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	14118198	MAI VĂN MINH	DH14CK			60	50	3.5	4.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	14154124	TRẦN HỮU NGHĨA	DH14OT							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13138140	LÊ THỊ HUỲNH NHƯ	DH13TD			60	70	8.0	7.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	14118050	NGUYỄN THÀNH PHONG	DH14CK			-	45	5.5	4.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12153128	LÊ HỒNG PHÚC	DH12CD			90	55	6.25	6.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13138157	NGUYỄN HỒNG PHÚC	DH13TD			60	70	6.0	6.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ lưu chất-207202

Ngày Thi : 16/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD303 Nhóm : 06 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13138163	PHẠM LƯU PHƯỚC	DH13TD							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13334152	VŨ CÔNG QUANG	CD13CI	Quang		6.0	3.5	4.75	5.2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13138166	NGÔ NGUYỄN MINH QUÂN	DH13TD	Minh		-	-	4.75	2.9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13138167	NGUYỄN HOÀNG QUÂN	DH13TD	Hoàng		-	3.0	6.0	4.2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13138175	BÙI THÁI SƠN	DH13TD	Sơn		7.0	5.0	8.0	7.5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13118266	HUỖNH THANH TÂM	DH13CC	Thanh		6.0	9.0	8.5	8.5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13138181	PHẠM VĂN TÂM	DH13TD	Phạm		6.0	7.5	7.0	7.3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	14153124	HÀ DUY THÁI	DH14CD	Thái		6.0	9.0	8.5	8.5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12137041	ĐOÀN NHẬT THẮNG	DH12NL	Thắng		6.0	6.5	6.25	6.7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13138210	TRƯƠNG VĂN THOẠI	DH13TD	Thoa		6.0	6.0	8.25	7.8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13138217	NGUYỄN ĐỨC TIẾN	DH13TD							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12154199	NGUYỄN THANH TÔNG	DH12OT	Thanh		6.0	5.0	5.0	5.6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	13138229	MAI MINH TRÍ	DH13TD	Minh		6.0	6.5	5.5	6.2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13153240	NGUYỄN CÔNG TRIỂN	DH13CD	Triển		5.0	3.0	4.5	4.8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	14154062	NGUYỄN THẾ TRỌNG	DH14OT	Thế		6.0	4.5	4.0	4.9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	13138018	NGUYỄN THANH TRUNG	DH13TD	Trung		6.0	5.0	6.5	6.5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	13138240	PHẠM ANH TUẤN	DH13TD	Anh		-	3.5	5.5	4.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	12153123	THIẾU DUY TÙNG	DH12CD	Thiếu		9.0	-	8.5	6.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ lưu chất-207202

Ngày Thi : 16/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD303 Nhóm : 06 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	14118089	NGUYỄN NHẬT TUYÊN	DH14CC			60	40	50	5.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
38	13154067	PHẠM TRÌNH HOÀNG	DH13OT			50	40	90	60	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
39	13154070	NGUYỄN VŨ HOÀNG	DH13OT			-	55	5.25	4.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng: 04 Hiện diện: 55

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Nguyễn Trọng Nguyễn


Lê Văn Đoàn


TS. Nguyễn Huy Bích


TS. Bùi Ngọc Hùng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật thực phẩm-207213

Ngày Thi : 22/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD404 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12118015	NGUYỄN HỮU CHIẾN	DH12CC			8.0	7.5	3.6	6.7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	12118002	BÙI VĂN HẢI	DH12CC			8.0	7.5	6.6	8.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	12118111	LÊ MINH HẢI	DH12CC			7.0	9.0	4.2	7.1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	11137004	BÙI MẠNH HÙNG	DH11CC			7.5	9.0	6.5	8.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	12118042	NGUYỄN DƯƠNG HOÀNG	DH12CC			6.0	9.0	3.6	6.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	11119007	NGUYỄN PHƯỚC HƯNG	DH11CC			8.0	9.0	4.5	7.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	12118084	TRẦN QUANG HƯNG	DH12CC			8.0	9.0	4.5	7.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	12118109	VŨ NHƯ KHÁI	DH12CC			7.0	8.5	3.9	6.8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	11137006	TRẦN VĂN KHANH	DH11CC			7.0	9.0	4.4	7.2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	12118021	BÙI XUÂN LÂM	DH12CC			0	9.0	6.0	6.7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	12118058	NGUYỄN TẤN LỘC	DH12CC			8.5	7.5	4.1	7.1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	12118062	VŨ THANH MỆNH	DH12CC			8.0	9.0	4.5	7.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	12118008	LƯƠNG HỮU MINH	DH12CC			10	7.5	3.4	7.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	12118063	LÊ MINH NAM	DH12CC			8.0	8.5	2.7	6.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	10119010	PHAN THANH NHÂN	DH10CC			9.0	8.0	5.2	7.9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	12118068	VŨ VĂN NHÂN	DH12CC			8.0	7.5	5.2	7.6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	12118114	TÔ NGỌC QUANG	DH12CC			8.5	8.5	7.7	9.2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
18	12118075	LƯƠNG QUỐC QUÂN	DH12CC			6.0	8.0	6.2	7.8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật thực phẩm-207213

Ngày Thi : 22/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD404 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phân nguyên	Tô tròn điểm phân lẻ
19	12118080	NGUYỄN ĐỨC TRỌNG	QUÝ	DH12CC		8.0	7.5	3.7	6.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11119010	KIỀU VĂN THÁI	SƠN	DH11CC		8.5	8.5	5.4	7.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12118023	THÂN THIÊN	TÂN	DH12CC		8.0	7.5	6.4	8.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11118007	LÊ SỸ	THỊNH	DH11CC		7.0	9.0	4.7	7.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12118096	HỒ TRẦN TRUNG	TRÍ	DH12CC		5.5	7.5	5.7	7.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12118099	TẠ QUANG	TUẤN	DH12CC		7.5	7.5	3.9	6.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12118101	NGUYỄN THANH	TÙNG	DH12CC		0	7.5	5.2	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11119003	NGUYỄN THỊ KIM	TUYỀN	DH11CC		9.5	9.0	5.1	8.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12118117	NGUYỄN HUỲNH TÚ	UYÊN	DH12CC		8.0	8.0	5.0	7.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12118105	NGUYỄN THANH	VINH	DH12CC		9.5	7.5	4.9	7.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12118103	TỔNG THANH	VINH	DH12CC		6.5	9.0	5.4	7.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12118106	PHẠM VINH	VŨ	DH12CC		0	7.5	6.1	6.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12118077	TRẦN THANH	VŨ	DH12CC		8.0	7.5	5.9	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 31

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ngô Hải Đăng
Trần Văn Hiến

TS. Nguyễn Huy Bích

TS. Bùi Ngọc Hùng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Máy và thiết bị phân ly-207214

Ngày Thi : 09/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD305 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
						15%	25%	60%			
1	11119006	TRẦN VŨ NGÂN	GIANG	DH11CC	<i>Ngân</i>	1,5	1,0	2,7	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12118002	BÙI VĂN	HÀI	DH12CC	<i>Văn</i>	1,5	0,5	1,8	3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12118111	LÊ MINH	HÀI	DH12CC	<i>✓</i>	V	V	V	V	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10119025	NGUYỄN VINH	HÀI	DH10CC	<i>Nguyễn Vinh</i>	0,8	2,1	2,1	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12118042	NGUYỄN DƯƠNG HOÀNG	HUY	DH12CC	<i>Hoàng</i>	1,5	1,0	1,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12118084	TRẦN QUANG	HƯNG	DH12CC	<i>Trần Quang</i>	1,1	1,0	2,7	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12118109	VŨ NHƯ	KHÁI	DH12CC	<i>Như</i>	1,5	1,0	2,4	4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12118021	BÙI XUÂN	LÃM	DH12CC	<i>Xuân</i>	0,4	0,5	2,1	3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12118058	NGUYỄN TẤN	LỘC	DH12CC	<i>Tấn</i>	1,5	0,5	2,7	4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12118062	VŨ THANH	MỆNH	DH12CC	<i>Thanh</i>	1,1	1,5	1,8	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12118008	LƯƠNG HỮU	MINH	DH12CC	<i>Hữu</i>	1,1	1,0	1,2	3,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12118063	LÊ MINH	NAM	DH12CC	<i>Minh</i>	1,5	0,5	3,6	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13118032	TRƯƠNG QUỐC	NGHĨA	DH13CC	<i>✓</i>	V	V	V	V	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12118068	VŨ VĂN	NHÂN	DH12CC	<i>Văn</i>	1,5	0,5	1,8	3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13118227	PHAN VĂN	NHỰT	DH13CC	<i>Nhựt</i>	1,1	1,5	3,9	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12118114	TÔ NGỌC	QUANG	DH12CC	<i>Ngọc</i>	1,1	1,0	2,7	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12118075	LƯƠNG QUỐC	QUÂN	DH12CC	<i>Quốc</i>	1,5	1,5	3,0	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12118080	NGUYỄN ĐỨC TRỌNG	QUÝ	DH12CC	<i>Trọng</i>	1,5	1,0	1,2	3,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Máy và thiết bị phân ly-207214

Ngày Thi : 09/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD305 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12118023	THÂN THIÊN TÂN	DH12CC		1,1	1,0	3,3	5,4		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12118096	HỒ TRẦN TRUNG TRÍ	DH12CC		1,5	1,5	3,6	6,6		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13118326	NGUYỄN NHỰT TRƯỜNG	DH13CC		1,1	1,5	0,6	3,2		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12118099	TẠ QUANG TUẤN	DH12CC		1,5	2,0	3,6	7,1		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12118117	NGUYỄN HUỖNH TÚ UYÊN	DH12CC		1,5	0,5	3,0	5,0		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12118105	NGUYỄN THANH VINH	DH12CC		1,1	1,5	0,6	3,2		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12118103	TỔNG THANH VINH	DH12CC		1,1	1,5	0,4	5,0		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12118077	TRẦN THANH VŨ	DH12CC		1,5	1,5	3,3	6,3		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 2

Hiện diện: 24

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Thanh Phong

N.V. Kiep

TS. Bùi Ngọc Hùng

Nguyễn Thanh Phong

Nguyễn Hải Đăng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật sấy-207222

Ngày Thi : 15/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD101 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12137001	ĐỖ HOÀNG	ÁI	DH12NL		8,5	6,0	5,5	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13137013	ĐẶNG HOÀI	BẢO	DH13NL		7,5	7,0	6,5	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13137014	LÊ CÔNG	BẢO	DH13NL		9,5	10	10	9,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13137026	NGUYỄN MINH	CHÂU	DH13NL		8,5	8,0	6,5	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12118015	NGUYỄN HỮU	CHIẾN	DH12CC		9,5	9,0	7,5	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12137002	LÊ HÙNG	CƯỜNG	DH12NL		9,0	7,0	7,0	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13137041	TRẦN NGỌC	DŨNG	DH13NL		7,5	5,0	5,0	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12137015	LÊ VĂN	DUY	DH12NL		7,5	9,0	8,0	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13137037	TRẦN NGỌC	DUY	DH13NL		8,0	5,0	5,5	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13137045	LÂM QUỐC	ĐẠT	DH13NL		9,0	10	9,0	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12137012	NGUYỄN VĂN	ĐUA	DH12NL		9,0	9,0	7,5	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12118002	BÙI VĂN	HÀI	DH12CC		8,5	8,0	6,5	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13137056	ĐỖ VĂN	HIẾU	DH13NL		7,5	7,0	7,5	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13137069	NGUYỄN MANH	HÙNG	DH13NL		8,0	9,0	9,0	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12137021	PHẠM ĐỨC	HUY	DH12NL		8,0	7,0	6,5	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12137023	LƯU ĐÌNH	HƯNG	DH12NL		8,0	7,0	8,0	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12118084	TRẦN QUANG	HƯNG	DH12CC		8,0	9,0	9,0	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13137073	NGUYỄN HÙNG	KHANG	DH13NL		8,0	7,0	8,0	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 01

Tổ : 001

Trang 2/2

Mã nhận dạng 01653

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật sấy-207222

Ngày Thi : 15/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD101 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12137028	NGUYỄN VĂN	KHOA	DH12NL		9,0	7,0	7,0	7,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng:

Hiện diện: :

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Công Minh
Nguyễn Văn Công Minh

Thiếu Hòa
Nguyễn Thiếu Hòa

HL
Nguyễn Văn Công Minh

Công Minh
Nguyễn Văn Công Minh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật sấy-207222

Ngày Thi : 15/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD104 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12137032	PHẠM PHÚ LÂN	DH12NL			9,0	9,0	8,5	8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12137007	VŨ ĐÌNH LỊCH	DH12NL			8,0	6,0	6,5	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12137019	PHAN VĂN LINH	DH12NL							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13137085	NGUYỄN THANH LONG	DH13NL			8,5	9,0	9,0	8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12118052	VŨ THANH MỆNH	DH12CC			8,5	9,0	7,5	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12137005	NGÔ VĂN MINH	DH12NL			8,0	9,0	7,5	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13137090	CHAU VĂN NẾK	DH13NL			9,0	10	10	9,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12137034	VŨ THANH NHANH	DH12NL			7,0	8,0	7,0	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12137054	BÙI VĂN PHÚC	DH12NL			8,5	5,0	5,0	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12137036	LÊ HỮU PHƯỚC	DH12NL			8,5	10	9,0	9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12137035	TÀ NHẬT QUANG	DH12NL			9,0	8,0	7,5	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12118075	LƯƠNG QUỐC QUÂN	DH12CC	<i>Quân</i>		9,0	9,0	7,5	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12137041	ĐOÀN NHẬT THẮNG	DH12NL			8,5	9,0	9,0	8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12137042	NGUYỄN VĂN THẮNG	DH12NL			8,5	8,0	7,5	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12137043	BÙI VĂN THỂ	DH12NL			8,5	6,0	5,5	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13137141	TRẦN THẮNG THUẬN	DH13NL			9,0	10	9,5	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12137046	BÙI ANH THƯƠNG	DH12NL			7,5	6,0	7,0	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13137146	ĐÌNH THANH TOÀN	DH13NL			8,0	8,0	7,5	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật sấy-207222

Ngày Thi : 15/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD104 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12137058	NGÔ HỮU	TOÀN	DH12NL		8,0	6,0	5,0	5,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12137057	NGUYỄN ĐỨC	TRONG	DH12NL		8,5	7,0	7,5	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13137154	NGUYỄN VĂN	TRƯỜNG	DH13NL		8,0	9,0	8,5	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13137003	NGUYỄN TUẤN	TÚ	DH13NL		7,5	5,0	5,0	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13137155	NGUYỄN THANH	TUẤN	DH13NL		6,0	6,0	6,5	6,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12137051	PHẠM ANH	TUẤN	DH12NL		7,5	5,0	5,0	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12118101	NGUYỄN THANH	TÙNG	DH12CC		8,5	8,0	8,0	8,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12137049	NGUYỄN QUỐC	VINH	DH12NL		8,0	6,0	6,5	6,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12118106	PHẠM VĨNH	VŨ	DH12CC		8,0	6,0	5,5	6,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12118077	TRẦN THANH	VŨ	DH12CC	<i>(Ký)</i>	9,5	10	9,0	9,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện: :

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

(Ký)
Nguyễn Văn Công Chính

(Ký)
Nguyễn Hữu Hòa

(Ký)
Nguyễn Hữu Hòa

(Ký)
Nguyễn Văn Công Chính

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Năng lượng mặt trời và s.khỏi-207408

Ngày Thi : 17/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD303 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13137045	LÂM QUỐC ĐẠT	DH13NL	<i>Đạt</i>	9	7	8	8		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12118104	TRẦN ĐỨC GIÁP	DH12CK	<i>Giáp</i>	8	6	9	8,2		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12118036	TRẦN VĂN HIỆP	DH12CK	<i>Hy</i>	9	8	7,5	7,9		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13137062	HỒ THANH HOÀNG	DH13NL	<i>Thư</i>	8	6	3	4,6		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12118113	PHAN THÁI HỌC	DH12CK	<i>Học</i>	8	6	9,5	8,5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13137076	ĐỖ ĐĂNG KHOA	DH13NL	<i>Đỗ</i>	8	6	6,5	6,7		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12118100	PHAN THANH LÊ	DH12CK	<i>Le</i>	9	8	7,5	7,9		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13137085	NGUYỄN THANH LONG	DH13NL	<i>Long</i>	7	8	7	7,2		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13137096	LƯU THIÊN NGÔN	DH13NL	<i>Thiên</i>	9	8	7,5	7,9		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13137100	ĐINH MAI NHẬT	DH13NL	<i>Ng</i>	8	6	5,5	6,1		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13137103	NGUYỄN TĂNG PHÁT	DH13NL	<i>Phát</i>						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13137104	NGUYỄN TẤN PHONG	DH13NL	<i>Phong</i>	9	9	7,5	8,1		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12118022	ĐINH CÔNG SƠN	DH12CK	<i>Sơn</i>	9	7	7,5	7,7		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12118115	NGUYỄN NGỌC TÀI	DH12CK	<i>Tài</i>	8	9	5	6,4		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12118119	NGUYỄN TRUNG TẤT	DH12CK	<i>Tr</i>	7	8	6,5	6,9		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12118092	NGUYỄN CHÍ THANH	DH12CK	<i>Thanh</i>	8	7	6,5	6,9		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13137141	TRẦN THẮNG THUẬN	DH13NL	<i>Thuận</i>	9	7	7,5	7,7		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12118097	LONG QUỐC TIẾN	DH12CK	<i>Tiến</i>	9	8	8,5	8,5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Năng lượng mặt trời và s.khôi-207408

Ngày Thi : 17/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD303 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13137146	ĐINH THANH	TOÀN	DH13NL	<i>Đinh Thanh</i>	9	8	7	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12118006	NGUYỄN VĂN	TRỌNG	DH12CK	<i>Nguyễn Văn</i>	9	9	8	8,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13137158	NGUYỄN MINH	TÚ	DH13NL	<i>Nguyễn Minh</i>	7	0	0	1,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12118055	NGUYỄN TRUNG	TUẤN	DH12CK	<i>Nguyễn Trung</i>	8	7	5	6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12118108	LÊ QUANG	TƯỜNG	DH12CK	<i>Lê Quang</i>	8	7	7	7,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 4 Hiện diện: 22

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Thalia
Tô Văn Tiến

Phan Minh Hoa

Kil
Trần Đức Dũng

Bích
TS. Nguyễn Huy Bích

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Năng lượng mặt trời và s.khôi-207408

Ngày Thi : 17/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV302 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12137001	ĐỖ HOÀNG	ÁI	DH12NL			9	8	8,5	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12137002	LÊ HÙNG	CƯỜNG	DH12NL			8	8	8,5	8,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12137015	LÊ VĂN	DUY	DH12NL			8	7	7,5	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12137012	NGUYỄN VĂN	ĐUA	DH12NL			9	9	7,5	8,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10137002	THÁI NGUYỄN NGỌC	HÒA	DH10NL			8	8	5	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12137021	PHẠM ĐỨC	HUY	DH12NL			8	7	7,5	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12137023	LƯU ĐÌNH	HƯNG	DH12NL			9	8	6,5	7,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12137028	NGUYỄN VĂN	KHOA	DH12NL			8	8	6	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12137032	PHẠM PHÚ	LÂN	DH12NL			8	7	6,5	6,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12137007	VŨ ĐÌNH	LỊCH	DH12NL			8	8	7	7,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12137019	PHAN VĂN	LINH	DH12NL			8	8	6,5	7,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12137005	NGÔ VĂN	MINH	DH12NL			9	7	8,5	8,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12137034	VŨ THANH	NHANH	DH12NL			8	8	5,5	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12137054	BÙI VĂN	PHÚC	DH12NL			8	7	5,5	6,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12137036	LÊ HỮU	PHƯỚC	DH12NL			9	8	8	8,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12137035	TẠ NHẬT	QUANG	DH12NL			8	8	6,5	7,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10137029	NGUYỄN TĂNG	THÀNH	DH10NL			4	0	3	2,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12137041	ĐOÀN NHẬT	THẮNG	DH12NL			9	9	8	8,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Năng lượng mặt trời và s.khôi-207408

Ngày Thi : 17/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV302 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12137042	NGUYỄN VĂN THẮNG	DH12NL	<i>thang</i>	8	8	7	7,4		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12137043	BÙI VĂN THẾ	DH12NL	<i>the'</i>	9	8	8	8,2		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12137046	BÙI ANH	DH12NL	<i>thanh</i>	8	6	8,5	7,9		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12137058	NGÔ HỮU TOÀN	DH12NL	<i>toan</i>	9	8	6,5	7,3		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12137057	NGUYỄN ĐỨC TRỌNG	DH12NL	<i>trung</i>	8	8	8	8		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13137155	NGUYỄN THANH TUẤN	DH13NL	<i>luan</i>	8	8	6	6,8		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12137051	PHẠM ANH TUẤN	DH12NL	<i>tuấn</i>	9	8	7	7,6		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12137049	NGUYỄN QUỐC VINH	DH12NL	<i>vinh</i>	8	7	8	7,8		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: *không* Hiện diện: *26*

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

thanh

thanh

thanh
Nguyễn Thị Hồng Diệp

thanh

TS. Nguyễn Huy Bích

Nguyễn Văn Thế

Nguyễn Thị Hồng Diệp

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cầm biến trong điều khiển-207501

Ngày Thi : 10/06/15 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD303 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12138027	LƯƠNG THẾ ANH	DH12TD	<i>At</i>			0	0	0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12138009	NGÔ HOÀNG	DH12TD	<i>Ng</i>			5,3	2,8	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12138011	NGÔ NHẬT ANH	DH12TD	<i>AN</i>			0	3,0	2,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12138010	TRẦN ĐỨC ANH	DH12TD	<i>An</i>			5,3	3,0	3,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12138017	TRẦN ĐỨC BẢO	DH12TD	<i>Tr</i>			5,5	6,0	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12138115	BÚT VĂN BẢO	DH12TD	<i>Bh</i>			7,8	4,0	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12138025	PHẠM THANH BÌNH	DH12TD	<i>Ph</i>			5,7	8,2	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12138001	NGUYỄN TRƯỜNG CHÍNH	DH12TD	<i>CN</i>			5,2	6,7	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12138002	LÊ ĐỨC DUY	DH12TD	<i>Duy</i>			7,8	6,5	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12138034	NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG	DH12TD	<i>Ng</i>			2,3	1,5	1,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12138035	PHAN TIẾN ĐẠT	DH12TD	<i>Ph</i>			9,2	7,0	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12138068	LÊ HOÀNG ĐÚ	DH12TD	<i>Le</i>			5,0	7,5	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12138117	NGUYỄN VĂN HẢO	DH12TD	<i>Hao</i>			5,3	5,5	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12138047	DƯƠNG VĂN HOÀN	DH12TD	<i>Ho</i>			0	1,5	1,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12138049	NGUYỄN TRỌNG HOÀN	DH12TD	<i>Hoan</i>			5,1	8,0	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12138098	PHAN HUY HOÀNG	DH12TD	<i>Ph</i>			5,9	5,5	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12138042	HOÀNG PHI HÙNG	DH12TD	<i>Ph</i>			5,2	7,5	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12138003	NGUYỄN HUY HÙNG	DH12TD	<i>V</i>			/	/	V	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cầm biên trong điều khiển-207501

Ngày Thi : 10/06/15 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD303 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12138053	VŨ QUANG	HÙNG	DH12TD	Hùng		0	0	0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12138055	HUỖNH TẤN	HÙNG	DH12TD	Hùng		4,8	1,5	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13138006	ĐÀO THANH	HỮU	DH13TD	Thanh		0	0	0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12138071	TRẦN VŨ NAM	KHA	DH12TD	Nam		9,5	4,5	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12138058	NGUYỄN XUÂN	KHÁ	DH12TD	Xuân		2,3	1,5	1,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12138121	LÊ PHÚC	KHÁNH	DH12TD	Phúc		5,8	5,5	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12138126	NGUYỄN DUY	KHƯƠNG	DH12TD	Duy		1,8	1,2	1,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12138062	TĂNG VŨ	LÂM	DH12TD	Vũ		7,8	7,5	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12138118	DƯƠNG HỒNG	LĨNH	DH12TD	Hồng		9,2	7,0	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12138066	ĐẶNG TIỂU	LONG	DH12TD	Tiểu		5,2	3,0	3,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12138072	DƯƠNG VĂN	LỘC	DH12TD	Văn		5,2	2,5	3,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12138069	NGUYỄN BÁ	LỘC	DH12TD	Bá		6,0	9,0	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12138075	NGUYỄN HUY	MINH	DH12TD	Huy		0	0	0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12138122	NGUYỄN THANH	MỸ	DH12TD	Thanh		0	0	0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12138123	NGUYỄN TẤN	NGHIÊM	DH12TD	Tấn		0	2,5	1,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12138044	PHẠM PHÚC	NHA	DH12TD	Phúc		0	1,0	0,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	13138165	MAN HỒNG	QUÂN	DH13TD	Man		0	0	0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	12138127	PHAN THANH	QUÍ	DH12TD	Thanh		4,9	2,5	3,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cầm biên trong điều khiển-207501

Ngày Thi : 10/06/15 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD303 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	12138004	HUỖNH QUỖNH	DH12TD	<i>Qu</i>			8,6	7,5	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	12138090	NGUYỄN NGỌC	DH12TD	<i>Ng</i>			8,2	5,5	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	12138091	LÊ VIỆT	DH12TD	<i>Son</i>			5,1	4,0	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	12138067	NGUY THẮNG	DH12TD	<i>V</i>			/	/	V	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	12138093	NGUYỄN MINH	DH12TD	<i>M</i>			8,2	5,5	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	13138206	NGUYỄN HOẮNG	DH13TD	<i>V</i>			/	/	V	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	08138070	TRẦN CHÍ	DH08TD17	<i>Ch</i>			4,6	3,5	3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	12138129	NGUYỄN CÔNG	DH12TD	<i>Thuan</i>			5,5	5,0	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	12138099	NGUYỄN ĐÌNH	DH12TD	<i>DT</i>			4,8	3,0	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	12138130	PHẠM VIỆT	DH12TD	<i>V</i>			7,9	2,5	4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	13138234	NGUYỄN PHAN HẮ	DH13TD	<i>Truong</i>			6,2	8,5	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	12138103	PHẠM VĂN	DH12TD	<i>P</i>			2,7	0,5	1,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	12138134	VÕ ĐÌNH	DH12TD	<i>Do</i>			5,3	2,0	3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	12138104	PHẠM VĂN	DH12TD	<i>Van</i>			8,2	6,0	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	12138087	TRƯỜNG THỊ	DH12TD	<i>T</i>			5,3	7,0	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	12138083	BÙI MINH	DH12TD	<i>V</i>			5,7	5,8	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	12138111	NGÔ VĂN	DH12TD	<i>Vien</i>			5,3	6,5	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	12149092	HOẮNG VĂN	DH12TD	<i>Viet</i>			8,2	6,0	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cầm biến trong điều khiển-207501

Ngày Thi : 10/06/15 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD303 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tử	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
55	12138006	NGUYỄN HOÀNG	VIỆT	DH12TD	<i>thul</i>		4,5	5,5	5,2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
56	12138007	VÕ QUỐC	VINH	DH12TD	<i>goc</i>		0	2,5	1,8	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
57	12138135	PHẠM VĂN	VŨ	DH12TD	<i>V</i>		/	/	✓	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
58	12138008	TRẦN LÊ TUẤN	VŨ	DH12TD	<i>lec</i>		5,1	1,0	2,2	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

Số lượng vắng: 6 Hiện diện: 52

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Le Van Ban

phan Minh Binh

Trần Dũng

Le Van Ban

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 01

Tổ : 001

Trang 1/2

Mã nhận dạng 01675

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ sở điều khiển tự động-207502

Ngày Thi : 22/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD200 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13138027	BÙI MINH BẢO	DH13TD	✓		10	30			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13138029	NGÔ THẾ CHUNG	DH13TD	Chung	8	8	7,5	7,7		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13138030	TRẦN HUY CHƯƠNG	DH13TD	Cu	8	8	5	6,2		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13138031	LÊ BÀ CÔNG	DH13TD	Le Ba	9	8	8,5	8,4		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13138033	DƯƠNG MINH CƯƠNG	DH13TD	Duong	8	8	7,5	7,7		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13138042	QUÁCH ĐÌNH DŨNG	DH13TD	Quach	8	8	5,5	6,5		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13138002	TRƯƠNG QUANG ĐẠI	DH13TD	Truong	8	8,5	7,5	7,9		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13138047	NGÔ VIỆT ĐÌNH	DH13TD	Nguyen	8	8,5	6	7,0		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13138003	LƯƠNG ĐÌNH ĐỒNG	DH13TD	Luong	8	8,5	5,5	6,7		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13138050	HỒ ANH ĐỨC	DH13TD	Hu	9	8	8	8,1		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13138051	NGÔ LỘC TRƯỜNG	DH13TD	Nguyen	8	8,5	7,5	7,9		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13138052	TÔ MINH ĐỨC	DH13TD	To	8	7	6	6,5		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13138054	TỔNG THỊ THU HÀ	DH13TD	Tong	8	8,5	9	8,8		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	14138049	NGUYỄN MINH HẢI	DH14TD	✓						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12138060	NGUYỄN VĂN HẢI	DH12TD	✓						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13138060	PHAN HỒNG HẢI	DH13TD	Phan	8	8	7	7,4		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13138061	TRẦN MINH HẢI	DH13TD	Tran	8	8,5	5,5	6,7		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13138064	TRẦN VĂN HẠNH	DH13TD	✓						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ sở điều khiển tự động-207502

Ngày Thi : 22/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD200 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13138067	NGUYỄN TRUNG HẬU	DH13TD	✓	10		30			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13138068	HOÀNG MINH HIẾU	DH13TD	hu		8	8	5	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	09138026	NGUYỄN TRUNG HIẾU	DH09TD17	✓						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13138261	NGUYỄN TRUNG HIẾU	DH13TD	glau		8	8,5	7	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13138072	NGUYỄN TỰ HIẾU	DH13TD	tu		8	8	7,5	7,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13138080	HUỖNH LÊ PHÚC	DH13TD	h		8	8,5	5,5	6,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13138076	VÕ MINH HÒA	DH13TD	h		8	8	5	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13138263	HẠP TIẾN HOÀNG	DH13TD	h		8	7	5,5	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13138079	NGUYỄN TRẦN MINH HOÀNG	DH13TD	h		9	7	8	7,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13138005	ĐẬU VIỆT HÙNG	DH13TD	h		9	8	8	8,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12138053	VŨ QUANG HÙNG	DH12TD	h		8	8,5	5	6,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13138083	NGUYỄN ĐỨC HUY	DH13TD	h		8	8	7	7,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	13138089	TÔ VĂN HƯNG	DH13TD	h		8	8	6	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13138090	HÀ VĂN HƯƠNG	DH13TD	h		8	8,5	7	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13138006	ĐÀO THANH HỮU	DH13TD	h		8	7	7,5	7,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	13138091	LÂM TẤN KHA	DH13TD	h		8	8	8	8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	13138093	BÙI ĐỨC KHÁ	DH13TD	h		8	7	8	7,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	13138007	TRẦN NGỌC KHÁI	DH13TD	✓						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ sở điều khiển tự động-207502

Ngày Thi : 22/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD200 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	13138094	PHẠM DUY KHÁNH	DH13TD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	13138096	VÕ ANH KHOA	DH13TD			8	6	3	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	13138097	TRẦN TIẾN KHÔI	DH13TD			8	8	5	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	13138098	VŨ VĂN KHƯƠNG	DH13TD			8	3	1	2,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	13138099	CAO HOÀNG LÂM	DH13TD			8	6	3,5	4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	12138062	TĂNG VÕ LÂM	DH12TD			8	6	8,5	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	13138103	NGUYỄN ĐÌNH LÂN	DH13TD			8	8	6	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	13138008	PHAN XUÂN LIÊM	DH13TD			8	6	5	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	13138108	LÊ QUANG LINH	DH13TD			9	6	9	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	13138109	TRẦN HOÀI LINH	DH13TD			8	7	5,5	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	13138009	NGUYỄN KIM HẢI LONG	DH13TD			8	6	6,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	13138112	ĐẶNG THÀNH LỢI	DH13TD			8	8	7	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	13138113	PHẠM HỮU LUÂN	DH13TD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	13138260	HOÀNG ĐỨC LƯƠNG	DH13TD			8	6	5	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	13138116	VÕ TẤN LÝ	DH13TD			8	6	5	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	13138117	NGUYỄN QUỐC MẠNH	DH13TD			8	6	5	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	12138075	NGUYỄN HUY MINH	DH12TD			8	6	5,5	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	13138119	NGUYỄN VĂN MINH	DH13TD			8	6	4,5	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ sở điều khiển tự động-207502

Ngày Thi : 22/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD200 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
55	13138010	NGUYỄN NGỌC NAM	DH13TD	Nam		8	7	6	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	13138011	TRẦN NHẬT NGHĨA	DH13TD	Ng		8	6	5,5	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	12138123	NGUYỄN TẤN NGHIÊM	DH12TD	Tấn		8	7	6	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	13138128	NGUYỄN TIẾN NGỌC	DH13TD	Ng		9	6	8,5	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	13138136	NINH QUANG NHẬT	DH13TD	Ninh		9	7	8,5	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	13138140	LÊ THỊ HUỖNH NHƯ	DH13TD	Thy		8	9	7	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	13138141	NGUYỄN HUỖNH NHƯÔNG	DH13TD	Như		8	7	6	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	13138148	PHẠM KHÁNH PHI	DH13TD	Phi		8	9	7,5	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	13138152	HOÀNG XUÂN PHÚ	DH13TD	Phu		8	6	5	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	13138153	HUỖNH HOÀNG PHÚ	DH13TD	Phu		8	7	8	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	13138154	HUỖNH VĂN PHÚC	DH13TD	Phu		8	7	4,5	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	13138156	NGUYỄN HỒNG PHÚC	DH13TD	Phu		8	7	1	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	13138157	NGUYỄN HỒNG PHÚC	DH13TD	Phu		8	9	6	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	13138163	PHẠM LƯU PHƯỚC	DH13TD	V						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	13138165	MAN HỒNG QUÂN	DH13TD	Man		8	6	4,5	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	13138166	NGÔ NGUYỄN MINH QUÂN	DH13TD	Ng		8	9	5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	13138167	NGUYỄN HOÀNG QUÂN	DH13TD	Ng		8	7	5,5	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	13138015	VÕ BẢO QUỐC	DH13TD	Quoc		8	9	5,5	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ sở điều khiển tự động-207502

Ngày Thi : 22/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD200 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
73	13138168	BÙI CÔNG QUYỀN	DH13TD	<i>Quyền</i>		8	9	5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
74	13138171	LÊ TUẤN	DH13TD	<i>Liê</i>		9	9	8	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
75	13138016	NGÔ TẤT	DH13TD	<i>Ngô</i>		8	7	6,5	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
76	13138172	NGUYỄN VĂN	DH13TD	<i>Văn</i>		8	6	7	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
77	13138173	TRẦN VŨ	DH13TD	<i>Trần</i>		9	8	8	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
78	13138175	BÙI THÁI	DH13TD	<i>Thái</i>		9	9	8,5	9,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
79	13138178	NGÔ QUỐC SỬ	DH13TD	<i>Sử</i>		8	7	5	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 10 Hiện diện: 69

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nam
Nguyễn Nam Quyền

Ngô Hồng Khoa
Ngô Hồng Khoa

Bích
TS. Nguyễn Huy Bích

Nguyễn Lê Tường
Nguyễn Lê Tường

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ sở điều khiển tự động-207502

Ngày Thi : 22/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD203 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12138087	NGUYỄN THÀNH TÂM	DH12TD							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13138181	PHẠM VĂN TÂM	DH13TD	<i>Pham</i>		8	9,5	6,5	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13138185	LÊ DUY TÂN	DH13TD	<i>tan</i>		8	9,5	5,5	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13138189	VĂN THÀNH TÂN	DH13TD	<i>Van</i>		8	8	7	7,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13138200	LÊ NGỌC THẠCH	DH13TD	<i>Le</i>		8	9,5	6	7,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13138192	PHẠM VĂN THANH	DH13TD	<i>Pham</i>		8	6	3,5	4,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13138198	PHAN TIẾN THÀNH	DH13TD	<i>Phan</i>		8	9,5	5,5	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13138199	TRỊNH VIỆT THÁNH	DH13TD	<i>Trinh</i>		8	6	4	5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13138201	VĂN THIÊN THẮNG	DH13TD	<i>Van</i>		8	9,5	5	6,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13138205	VƯƠNG BẢO THẾ	DH13TD	<i>Phu</i>		8	7	4	5,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13138206	NGUYỄN HOÀNG THI	DH13TD	<i>Phu</i>		8	9,5	7	7,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13138207	HUỶNH NGỌC THIÊN	DH13TD							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13138210	TRƯƠNG VĂN THOẠI	DH13TD	<i>Truong</i>		8	7	7	7,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	14138098	HUỶNH QUỐC THÔNG	DH14TD	<i>Phu</i>		8	9,5	7,5	8,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13138211	TÔNG TRẦN THÔNG	DH13TD	<i>Thon</i>		8	9,5	2,5	5,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12138099	NGUYỄN ĐÌNH THY	DH12TD	<i>Thy</i>		8	9,5	4,5	6,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13138217	NGUYỄN ĐỨC TIẾN	DH13TD							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13138219	HỒ TIỆP	DH13TD	<i>Ho</i>		8	9,5	4,5	6,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ sở điều khiển tự động-207502

Ngày Thi : 22/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD203 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
							10	30				
19	13138220	TRƯƠNG TẤN	TÍNH	DH13TD			8	8	5,5	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13138227	PHẠM ĐÌNH	TRANG	DH13TD			8	8	5	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13138229	MAI MINH	TRÍ	DH13TD			8	6	7,5	7,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13138231	LÊ MINH	TRỌNG	DH13TD			8	6	5,5	5,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13138018	NGUYỄN THANH	TRUNG	DH13TD			8	9	5,5	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	19138233	TRƯƠNG MINH	TRUNG	DH13TD							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13138234	NGUYỄN PHAN HẢI	TRƯỜNG	DH13TD			8	9	5,5	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13138248	NGUYỄN THANH	TÚ	DH13TD			8	8	5	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13138019	BÙI VĂN	TUẤN	DH13TD							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13138238	NGÔ VŨ MINH	TUẤN	DH13TD			8	8	3,5	5,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13138240	PHẠM ANH	TUẤN	DH13TD			8	3	1,5	2,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12138104	PHẠM VĂN	TUẤN	DH12TD			8	8	6,5	7,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	13138020	TRẦN THANH	TUẤN	DH13TD			8	8	1,5	4,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	14138113	TRỊNH CHÂU	TỪ	DH14TD			8	8	5	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13138255	PHÙNG ANH	VĨ	DH13TD			8	8	5	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	13138251	ĐỖ NGỌC	VIỆT	DH13TD			8	6	0,5	2,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	13138253	PHẠM TIẾN	VIỆT	DH13TD			8	8	5,5	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	13138254	PHẠM VĂN	VIỆT	DH13TD			8	6	7	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ sở điều khiển tự động-207502

Ngày Thi : 22/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD203 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	13138021	TRẦN THANH VINH	DH13TD		10	8	9	7	7,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
38	13138256	NGUYỄN LÊ NHẬT VŨ	DH13TD			8	7	2	4,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
39	13138022	NGÔ QUỐC VƯƠNG	DH13TD			8	9	5	6,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng: 5

Hiện diện: 34

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Đào Duy Vinh


Cao Đình Lân


TS. Nguyễn Huy Bích


Nguyễn Lê Tường

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật TD khí nén & thủy lực-207504

Ngày Thi : 16/06/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi PV319 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12344005	LÊ TRƯỜNG AN	CD12CI	<i>Nguyễn</i>		7,0	7,0	3,5	4,2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12154127	HỒ BẢO ANH	DH12OT	<i>Ho</i>		10	6,0	7,0	7,2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12344009	NGUYỄN NGỌC TUẤN	ANH	✓	✓					0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12153140	VÕ VĂN QUỐC	ANH	✓						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12153029	CHÂU THÁI BẢO	DH12CD	<i>Châu</i>		10	10	6,0	6,8	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13137014	LÊ CÔNG BẢO	DH13NL	<i>Le</i>		10	10	9,0	9,2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12118016	LÝ PHAN BÌNH	DH12CC	✓	✓					0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13153044	LÊ VĂN CẢNH	DH13CD	<i>Canh</i>		10	10	5,0	6,0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13334018	NGUYỄN VĂN CẢNH	CD13CI	<i>Canh</i>		10	10	6,0	6,8	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13153046	HUYỀN CÔNG CHÍNH	DH13CD	<i>Chinh</i>		10	10	6,0	6,8	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13138001	HOÀNG VĂN DŨNG	DH13TD	<i>Hoang</i>		10	8,0	5,5	6,2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13137041	TRẦN NGỌC DŨNG	DH13NL	✓	✓					0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12154067	NGUYỄN MINH DƯƠNG	DH12OT	<i>Duc</i>		10	6,0	4,5	5,2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12344032	NGUYỄN TRÙNG DƯƠNG	CD12CI	<i>Phu</i>		7,0	10	5,5	6,1	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12153187	HỒ HỮU ĐẠT	DH12CD	<i>Hu</i>		7,0	7,0	5,5	5,8	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12154056	LÂM HỮU ĐẠT	DH12OT	✓	✓					0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13153077	TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH	DH13CD	<i>Ch</i>		10	10	7,0	7,6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13334049	NGUYỄN HUY ĐÔNG	CD13CI	<i>Phu</i>		0	0	2,0	1,6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật TD khí nén & thủy lực-207504

Ngày Thi : 16/06/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi PV319 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12154080	NGUYỄN PHƯƠNG ĐÔNG	DH12OT	<i>Phuoc</i>		6,0	6,0	6,0	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13138054	TỔNG THỊ THU	DH13TD	<i>Thu</i>		10	8,0	9,0	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12344143	HỒ VĂN	CD12CI	<i>Hai</i>		0	0	2,0	1,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13138058	CAO XUÂN	DH13TD	<i>Xuan</i>		10	7,0	6,0	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13138060	PHAN HỒNG	DH13TD	<i>Hong</i>		10	10	5,0	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13137052	HUỖNH TẤN	DH13NL	<i>Tan</i>		7,0	6,0	2,0	2,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13118133	NGUYỄN HOÀNG	DH13CK	<i>Hoang</i>	✓					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13153092	LÊ QUANG	DH13CD	<i>Quang</i>		10	10	9,0	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13138073	PHẠM TRUNG	DH13TD	<i>Trung</i>		10	10	9,5	9,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13334067	PHAN DUY	CD13CI	<i>Duy</i>		0	0	1,0	0,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13118152	BÙI VĂN	DH13CC	<i>Bui</i>		10	7,0	4,0	4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 6

Hiện diện: 23

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Văn Công Chính

Bà Huân
Tê Văn Tuấn

Trần Văn Dũng

Nguyễn Văn Công Chính

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật TD khí nén & thủy lực-207504

Ngày Thi : 16/06/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi PV333 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13118168	PHẠM VĂN HÙNG	DH13CC	<i>Phạm Hùng</i>		10	10	3,0	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12154123	VÕ THANH HÙNG	DH12OT	<i>Võ Thanh Hùng</i>		6,0	6,0	5,0	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12154087	MÃ NHẬT HUY	DH12OT	<i>Mã Nhật Huy</i>		10	10	8,0	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13153115	NGUYỄN PHÚC HUY	DH13CD	<i>Nguyễn Phúc Huy</i>		10	10	8,5	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13154026	TRẦN VĂN KHÁ	DH13OT	<i>Trần Văn Khá</i>		7,0	10	7,5	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10153019	NÔNG VĂN KHIÊM	DH10CD	<i>Nông Văn Khiêm</i>						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13153128	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	DH13CD	<i>Nguyễn Đăng Khoa</i>		10	10	10	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13153129	NGUYỄN ĐÌNH ĐĂNG KHOA	DH13CD	<i>Nguyễn Đình Đăng Khoa</i>	2	10	10	9,0	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13334106	NGUYỄN VĂN LÂN	CD13CI	<i>Nguyễn Văn Lân</i>						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13153144	TRƯƠNG VĂN LÊ	DH13CD	<i>Trương Văn Lê</i>	2	10	10	9,5	9,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12344158	NGÔ VŨ LINH	CD12CI	<i>Ngô Vũ Linh</i>		6,0	6,0	5,0	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13334111	TRẦN VĂN LỘC	CD13CI	<i>Trần Văn Lộc</i>		10	10	6,0	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12344084	NGUYỄN NHƯ LÃN	CD12CI	<i>Nguyễn Như Lân</i>		10	6,0	6,0	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13334117	NGUYỄN CÔNG LỰC	CD13CI	<i>Nguyễn Công Lực</i>		10	8,0	3,5	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12153179	ĐÌNH QUANG LƯƠNG	DH12CD	<i>Đình Quang Lương</i>		10	10	4,5	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12344127	VŨ TÁ MẠNH	CD12CI	<i>Vũ Tá Mạnh</i>						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11153027	BÙI CÔNG NAM	DH11CD	<i>Bùi Công Nam</i>		0	0	4,5	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13138011	TRẦN NHẬT NGHĨA	DH13TD	<i>Trần Nhật Nghĩa</i>		10	7,0	6,0	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật TD khí nén & thủy lực-207504

Ngày Thi : 16/06/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi PV333 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12118064	NGUYỄN THÁI NGỌC	DH12CK			10	10	4,0	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13138128	NGUYỄN TIẾN NGỌC	DH13TD			9,0	6,0	3,5	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12154146	PHAN TRỌNG NHÂM	DH12OT			10	9,0	5,5	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12118068	VÕ VĂN NHÂN	DH12CC			10	6,0	6,0	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13138153	HUỶNH HOÀNG PHÚ	DH13TD			10	10	7,5	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12344107	NGUYỄN LỘC PHÚC	CD12CI							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13138166	NGÔ NGUYỄN MINH QUÂN	DH13TD			10	10	8,0	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13138174	TRẦN THỊ SÁNG	DH13TD			9,0	6,0	6,0	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12154172	TRẦN VĂN SĨ	DH12OT			9,0	7,0	6,5	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	10154035	HỒ THÁI DANH SỸ	DH10OT							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12118115	NGUYỄN NGỌC TÀI	DH12CK			10	10	3,0	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13118266	HUỶNH THANH TÂM	DH13CC			10	10	8,5	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11154016	TRƯƠNG CHÍ TÂM	DH11OT			8,0	8,0	5,0	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13138183	VŨ MINH TÂM	DH13TD			10	7,0	9,5	9,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12154133	NGUYỄN MINH TÂN	DH12OT			10	10	9,0	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	13138189	VĂN THÀNH TÂN	DH13TD			10	8,0	9,0	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 05 Hiện diện: : 29

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

LÊ QUANG HIỀN

Nguyễn Văn Công Chính

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 01

Tổ : 003

Trang 1/2

Mã nhận dạng 01679

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật TD khí nén & thủy lực-207504

Ngày Thi : 16/06/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi PV335 Nhóm : 01 Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13138190	TRẦN VĂN TẤN	DH13TD							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12344116	ĐỖ VĂN THANH	CD12CI	Đỗ Văn Thanh		0	0	0	0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12118092	NGUYỄN CHÍ THANH	DH12CK	Nguyễn Chí Thanh		10	10	4,0	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11154044	TRẦN MINH THANH	DH11OT	Trần Minh Thanh		8,0	8,0	4,5	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12153138	ĐOÀN VĂN THÁNH	DH12CD	Đoàn Văn Thánh		0	0	6,0	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10154040	HUỖNH THẢO	DH10OT							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13118052	CAO NGỌC THÂN	DH13CC	Cao Ngọc Thân		10	10	9,5	9,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13153215	HÀN VĂN THI	DH13CD	Hàn Văn Thi		0	0	9,5	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13138206	NGUYỄN HOÀNG THI	DH13TD	Nguyễn Hoàng Thi		10	10	5,5	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13153224	LÊ TỰ QUỐC THÔNG	DH13CD	Le Tự Quốc Thông		10	10	8,5	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12344126	VÕ THOM	CD12CI	Võ Thom		10	10	4,0	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12154177	NGUYỄN THÀNH THUẬN	DH12OT	Nguyễn Thành Thuận		6,0	6,0	6,0	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13153025	ĐẶNG VĂN THUYẾT	DH13CD	Đặng Văn Thuyết		10	10	6,0	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12118097	LONG QUỐC TIẾN	DH12CK	Long Quốc Tiến		10	10	4,0	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13153232	NGUYỄN THÀNH TIẾN	DH13CD	Nguyễn Thành Tiến		10	9,0	8,0	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13334215	PHẠM MINH TOÀN	CD13CI	Phạm Minh Toàn		10	10	4,0	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12344181	VĂN DỨC TOÀN	CD12CI	Văn Đức Toàn		9,0	7,0	1,0	2,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13138223	ĐINH QUỐC TOÀN	DH13TD	Đinh Quốc Toàn		10	10	6,0	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật TD khí nén & thủy lực-207504

Ngày Thi : 16/06/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi PV335 Nhóm : 01 Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12154199	NGUYỄN THANH	TÔNG	DH12OT	<i>Thanh</i>	10	8,0	6,0	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12344183	NGUYỄN VĂN	TRẦM	CD12CI	<i>Trầm</i>	0	0	0	0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12153194	ĐẶNG MINH	TRỌN	DH12CD	<i>Đặng Minh</i>	8,0	10	2,0	3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12118006	NGUYỄN VĂN	TRỌNG	DH12CK	<i>Nguyễn Văn</i>	10	10	8,0	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	10137072	NGUYỄN THÁNH	TRUNG	DH10NL	<i>Nguyễn Thánh</i>					0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13153251	NGUYỄN XUÂN	TRƯỜNG	DH13CD	<i>Nguyễn Xuân</i>	0	0	1,0	0,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13118344	BÙI VĂN	TÚ	DH13CC	<i>Bùi Văn</i>	10	10	3,0	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13334236	PHẠM MINH	TÚ	CD13CI	<i>Phạm Minh</i>	10	7,0	1,0	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12154154	KIM THANH	TUẤN	DH12OT	<i>Kim Thanh</i>	10	10	5,5	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13138238	NGÔ VŨ MINH	TUẤN	DH13TD	<i>Ngô Vũ Minh</i>	10	10	9,0	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12118099	TẠ QUANG	TUẤN	DH12CC	<i>Tạ Quang</i>	9,0	7,0	8,0	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13118342	NGUYỄN XUÂN	TÙNG	DH13CC	<i>Nguyễn Xuân</i>	10	10	8,0	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12153123	THIỀU DUY	TÙNG	DH12CD	<i>Thiều Duy</i>	0	0	3,0	2,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13138255	PHÙNG ANH	VĨ	DH13TD	<i>Phùng Anh</i>	10	10	4,0	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13153027	ĐÀO HOÀNG	VĨNH	DH13CD	<i>Đào Hoàng</i>	8,0	10	5,5	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12118106	PHẠM VĨNH	VŨ	DH12CC	<i>Phạm Vĩnh</i>	7,0	6,0	3,5	4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	13153280	LƯƠNG TRUNG	VƯỢNG	DH13CD	<i>Lương Trung</i>	0	0	5,5	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Điện tử công suất-207510

Ngày Thi : 17/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi TV102 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12138027	LƯƠNG THẾ ANH	DH12TD	<i>Thế Anh</i>	1	4	6	2	3.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12153140	VÕ VĂN QUỐC	DH12CD	<i>Văn Quốc</i>					Văn Quốc	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13153042	TẠ VĂN BÌNH	DH13CD	<i>Văn Bình</i>					Văn Bình	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12153039	LƯƠNG HOÀNG CHIƯƠNG	DH12CD	<i>Chiương</i>	1	9	7	2	4.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13138030	TRẦN HUY CHIƯƠNG	DH13TD	<i>Huy Chiương</i>	1	7.8	5	1.5	3.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13138033	DƯƠNG MINH CƯƠNG	DH13TD	<i>Minh Cương</i>	1	5.8	5	1	3.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13153059	NGUYỄN QUỐC DŨNG	DH13CD	<i>Quốc Dũng</i>	1	7.5	Văn	0	1.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11153038	LÊ HẢI ĐĂNG	DH11CD	<i>Hải Đăng</i>	1	5.8	7	3	4.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13153076	LÊ KHẢI ĐỊNH	DH13CD	<i>Khải Định</i>	1	8.5	Văn	5.5	4.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12138068	LÊ HOÀNG ĐÚ	DH12TD	<i>Hoàng Đú</i>	2	8.8	9	3	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13138060	PHAN HỒNG HẢI	DH13TD	<i>Hồng Hải</i>	2	8.8	5	5	5.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13153066	DƯƠNG MINH HẢO	DH13CD	<i>Minh Hảo</i>	1	7.5	Văn	2	2.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13138067	NGUYỄN TRUNG HẬU	DH13TD	<i>Trung Hậu</i>	*				Văn	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13138074	KIỀU VIỆT HIỆP	DH13TD	<i>Việt Hiệp</i>	1	7.8	Văn	3	3.1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13138076	VÕ MINH HÒA	DH13TD	<i>Minh Hòa</i>	1	5	Văn	1	1.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12138003	NGUYỄN HUY HÙNG	DH12TD	<i>Huy Hùng</i>	1	8.8	6	4	5.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13138006	ĐÀO THANH HỮU	DH13TD	<i>Thanh Hữu</i>	1	8.5	5	3	4.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13138091	LÂM TẤN KHA	DH13TD	<i>Tấn Kha</i>	1	9	4	4.5	5.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Điện tử công suất-207510

Ngày Thi : 17/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi TV102 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13138093	BÙI ĐỨC	KHÁ	DH13TD	Kha	1	8.8	4	6	6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11153019	LÊ HOÀNG	KHÁI	DH11CD	Thao	1	2	6	3.5	4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13153127	PHẠM QUỐC	KHÁNH	DH13CD	Quốc	2	8.8	Vân	5.5	4.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12153074	TRẦN TRỌNG	KHIÊM	DH12CD	Khue	1	8	8	4.5	6.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13153130	TRẦN VĂN	KHOA	DH13CD						Vân	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12138126	NGUYỄN DUY	KHƯƠNG	DH12TD	Duy	1	7	8	2.5	5.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13138103	NGUYỄN ĐÌNH	LÂN	DH13TD	Lân	1	7.5	Vân	2	2.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13153144	TRƯƠNG VĂN	LÊ	DH13CD	Le	2	8.3	6	7.5	7.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13138109	TRẦN HOÀI	LINH	DH13TD	Hoai	1	8.5	5	5.5	6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12138118	DƯƠNG HỒNG	LĨNH	DH12TD	Linh	1	9	9	5	7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12138066	ĐẶNG TIỂU	LONG	DH12TD	Long	1	7.8	8	3	5.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13138118	NGUYỄN VĂN	MẾN	DH13TD	Van	1	9	5	2.5	4.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12153191	NGUYỄN GIA	NGHĨA	DH12CD	Gia	1	8.8	8	3	5.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12138044	PHẠM PHÚC	NHA	DH12TD	Phu	1	8.8	8	1	4.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12153114	NGUYỄN HOÀI	NHÂN	DH12CD	Hoai	1	2	7	2.5	3.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	13138136	NINH QUANG	NHẬT	DH13TD	Quang	1	7.8	5	4.5	5.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	12153093	HỒ VĨNH	PHU	DH12CD	Vinh	1	3	6	2	3.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	13138154	HUYỀN VĂN	PHÚC	DH13TD	Van	2	7.8	5	4	5.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Điện tử công suất-207510

Ngày Thi : 17/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi TV102 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	12153130	ĐỖ VĂN SANG	DH12CD	<i>Sang</i>	1	4	7	5	5.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	12153138	ĐOÀN VĂN THÀNH	DH12CD	<i>Thành</i>	1	8.5	9	5	6.9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	13153215	HÀN VĂN THI	DH13CD	<i>Thi</i>	2	8	7	5.5	6.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	13138206	NGUYỄN HOÀNG THI	DH13TD	<i>Thi</i>	2	8.8	9	4	6.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	13153232	NGUYỄN THÀNH TIẾN	DH13CD	<i>Tiến</i>	1	8.8	6	4	5.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	11118009	NGUYỄN THÁI TỈNH	DH11CD	<i>Tỉnh</i>	1	7.8	6	4.5	5.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	13138229	MAI MINH TRÍ	DH13TD	<i>Trí</i>	1	8.5	8	4	6.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	12153194	ĐẶNG MINH TRỌN	DH12CD	<i>Tron</i>	1	5	Vượt	0.5	1.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	13138233	TRƯƠNG MINH TRUNG	DH13TD						Vượt	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	13153247	ĐINH MẠNH TRƯỜNG	DH13CD	<i>Trường</i>	1	7	6	2	4.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	13138234	NGUYỄN PHAN HẢI TRƯỜNG	DH13TD	<i>Trường</i>	2	7.5	9	3	5.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	12138135	PHẠM VĂN VŨ	DH12TD						Vượt	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	13153280	LƯƠNG TRUNG VƯỢNG	DH13CD	<i>Vuong</i>	1	7.8	6	6.5	6.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 06 Hiện diện: 43

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

N. H. Đặng

Chang
Phạm Cường Thắng

Vương Đình Bình

Ng. V. Hồng Khoa

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : PLC & ứng dụng-207516

Ngày Thi : 12/06/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi PV400B Nhóm : 02

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên										Tô tròn điểm phần lẻ																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																						
							30%	40%	30%																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																		</

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : PLC & ứng dụng-207516

Ngày Thi : 12/06/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi PV400B Nhóm : 02

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
						30%	40%	30%			
19	10153019	NÔNG VĂN KHIÊM	DH10CD	<i>At</i>	1	7	8	2	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12153092	NGUYỄN ANH KIẾT	DH12CD	<i>Kat</i>	1	7	7	6	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12138062	TĂNG VÕ LÂM	DH12TD	<i>LO</i>	1	9	8	9	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12138066	ĐẶNG TIỂU LONG	DH12TD	<i>Long</i>	1	8	7	7	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	10153070	NGUYỄN DUY LONG	DH10CD	<i>Long</i>	1	8	7	3	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12138072	DƯƠNG VĂN LỘC	DH12TD	<i>Loc</i>	1	8	8	8	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12138069	NGUYỄN BÁ LỘC	DH12TD	<i>Loc</i>	1	8	7	8	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12138075	NGUYỄN HUY MINH	DH12TD	<i>Minh</i>	1	8	8	7	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12138122	NGUYỄN THANH MỸ	DH12TD	<i>My</i>	1	7	8	5	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12153106	BÙI VIỆT NAM	DH12CD	<i>Nam</i>	1	8	7	4	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12138131	LÊ QUANG NGỌC	DH12TD	<i>Ngoc</i>	1	7	7	8	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12153087	HỒ VĂN NHÃN	DH12CD	<i>Nhan</i>	1	7	7	7	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12138091	LÊ VIỆT SƠN	DH12TD	<i>Son</i>	1	8	7	7	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12138093	NGUYỄN MINH TÂM	DH12TD	<i>Tam</i>	1	8	8	7	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12153081	TRẦN ĐẶNG THỎNG	DH12CD	<i>Thong</i>	1	0	0	0	4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12138129	NGUYỄN CÔNG THUẬN	DH12TD	<i>Thuan</i>	1	7	7	6	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	10153046	LÊ VĂN THƯƠNG	DH10CD	<i>Thuan</i>	1	8	7	5	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	12138099	NGUYỄN ĐÌNH THY	DH12TD	<i>Thy</i>	2	8	7	8	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : PLC & ứng dụng-207516

Ngày Thi : 12/06/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi PV400B Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	12138130	PHẠM VIỆT	TRUNG	Th	1	7	7	4	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	12138103	PHẠM VĂN	TRƯỜNG	Ph	1	7	7	6	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	12138134	VÕ ĐÌNH	TRƯỜNG	Ph	1	8	8	7	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	12138104	PHẠM VĂN	TUẤN	Ph	1	8	9	7	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	10153051	NGUYỄN TRỌNG	TUYẾN	Th	1	8	7	1	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	12138087	TRƯƠNG THỊ	TUYẾT	Th	1	8	9	8	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	12138083	BÙI MINH	VI	Vi	1	8	7	10	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	12149092	HOÀNG VĂN	VIẾT	Viết	1	8	9	7	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	12138007	VÕ QUỐC	VINH	Ph	1	7	8	7	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	12138135	PHẠM VĂN	VŨ	✓	✓	0	0	0	0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	12138008	TRẦN LÊ TUẤN	VŨ	Ph	1	7	7	3	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 2

Hiện diện: 45

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

LE Quang Hien

Le Van Tran

Trần Văn Dũng

Dang Ngoc Tuin

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Lý thuyết động cơ DT-207713

Ngày Thi : 12/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV400B Nhóm : 01

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12154022	BÙI NGỌC AN	DH120T	An			1	6,5	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12154181	HOÀNG LÊ ANH	DH120T	Anh			1,5	5	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12154127	HỒ BẢO ANH	DH120T	Anh			1	6,5	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12154223	LÊ CÔNG TUẤN ANH	DH120T	Anh			1	5,5	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12154076	NGUYỄN LÊ TÚ ANH	DH120T	Anh			1,5	7,5	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12154034	TRẦN TUẤN ANH	DH120T	Anh				7	7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12154037	TRẦN THIÊN AN	DH120T	Anh			1	7,5	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12154026	VÕ QUANG BÌNH	DH120T	Anh			1	6,5	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12154190	TRẦN VĂN CHÍNH	DH120T	Anh			1	6	7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12154051	NGUYỄN ĐÌNH QUỐC CHÍNH	DH120T	Anh			1,5	4,5	6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12154052	NGUYỄN QUỐC CÔNG	DH120T	Anh			1	4	5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12154225	LÊ MINH CƯỜNG	DH120T	Anh			1,5	3,5	5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12154039	TRẦN TIẾN DŨNG	DH120T	Anh			1	5,5	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12154063	BÙI THÀNH DUY	DH120T	Anh			1,5	6	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12154059	NGUYỄN HOÀNG DUY	DH120T	Anh			1	4,5	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12154060	NGUYỄN THÁI DUY	DH120T	Anh			1,5	6,5	8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12154069	BÙI THÁNH ĐÁO	DH120T	Anh			1,5	5	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12154055	LÂM HỒNG ĐẠT	DH120T	Anh			1	6	7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Lý thuyết động cơ DT-207713

Ngày Thi : 12/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV400B Nhóm : 01

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12154058	PHẠM TRỌNG	ĐẠT	DH12OT			1	6,5	7,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	12154205	NGÔ HỒ	ĐIỆP	DH12OT			1,5	5,5	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
21	12154080	NGUYỄN PHƯƠNG	ĐÔNG	DH12OT			1	6	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	12154003	ĐẶNG VĂN ÚT	EM	DH12OT			1,5	3,5	5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	12154226	KIỀU VĂN	HẠNH	DH12OT			1,5	3,5	5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	12154227	HỒ THANH	HẬU	DH12OT			1,5	6	7,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	12154112	NGUYỄN CÔNG	HẬU	DH12OT			1,5	6	7,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
26	12154092	NGUYỄN ĐỨC	HIỀN	DH12OT			1,5	6,5	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
27	12154229	HỒ VĂN	HIỀN	DH12OT			1,5	6,5	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
28	12154104	ĐẶNG NGỌC	HÒA	DH12OT			1,5	6,5	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
29	12154222	LÊ QUANG	HÒA	DH12OT			1	6,5	7,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
30	12154082	NGUYỄN THANH	HÒA	DH12OT			1	5	6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
31	12154032	CAO VĂN	HOÀN	DH12OT			1	5	6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
32	12154102	TRẦN TUẤN	HOÀNG	DH12OT			1	4,5	5,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
33	12154107	HỒ CÔNG	HUY	DH12OT			1,5	3,5	5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
34	12154231	THÁI XUÂN	HUY	DH12OT			1	4	5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
35	12154015	NGUYỄN THIÊN	KHÁI	DH12OT			1	7,5	8,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
36	12154066	TRẦN CÔNG	KHANG	DH12OT			1	5,5	6,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Lý thuyết động cơ ĐT-207713

Ngày Thi : 12/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV400B Nhóm : 01

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	12154016	NGUYỄN DUY KHÁNH	DH120T				1	7,5	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	12154143	LƯU TẤN KIẾT	DH120T				1,5	6,5	8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	12154249	PHAN THÀNH LÂM	DH120T				1	6	7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	12154237	NGUYỄN CHÁNH LÂN	DH120T				1	6	7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	12154128	ĐOÀN XUÂN LỘC	DH120T				1,5	5,5	7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	12154142	NGUYỄN ĐOÀN LỘC	DH120T				1	4	5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	11154042	NGÔ HOÀNG LUẬN	DH110T				1	4	5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	12154239	NGUYỄN VĂN LUẬN	DH120T				1	5	6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	12154113	LÊ ĐẠI NGHĨA	DH120T				1	5,5	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	12154070	VŨ HỮU NGHĨA	DH120T				1	6,5	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện: :

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

N. H. Dang

Vu Thi Hong Diap

Anh Khoa Dung

Nguyen Van Xuan

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Lý thuyết động cơ ĐT-207713

Ngày Thi : 12/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD503 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12154144	TRẦN XUÂN NGỌC	DH120T	<i>Myc</i>			1	5,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11154041	VŨ ĐÌNH NHINH	DH110T	<i>Nhinh</i>			1	5,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12154122	NGUYỄN XUÂN PHONG	DH120T	<i>Phu</i>			1,5	5,5	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12154194	NGUYỄN HỮU PHÚC	DH120T	<i>Phuc</i>			1,5	6,5	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12154020	HUỖNH THANH PHÙNG	DH120T	<i>Phung</i>			1	5	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12154163	ĐÀO THANH PHƯỚC	DH120T	<i>Phuoc</i>			1,5	5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12154090	TRẦN HỮU PHƯƠNG	DH120T	<i>Phuong</i>			1,5	7	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12154167	NGUYỄN VĂN QUÁ	DH120T	<i>Qua</i>			1	6,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12154164	TRẦN XUÂN QUANG	DH120T	<i>Quang</i>			1,5	7	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12154008	NGUYỄN CHỨC QUYÊN	DH120T	<i>Quyên</i>			1,5	6	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12154206	PHẠM HÙNG QUYÊN	DH120T	<i>Quyên</i>			1	6	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12154089	NGUYỄN VĂN SANG	DH120T	<i>Sang</i>			1,5	6	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12154171	TRƯƠNG MINH SANG	DH120T	<i>Sang</i>			1	6	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12154173	LÊ VĂN SƠN	DH120T	<i>Son</i>			1,5	7,5	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12154109	TRẦN QUỐC SƠN	DH120T	<i>Son</i>			1	6	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12154132	NGUYỄN MINH TÂN	DH120T	<i>Tan</i>			1,5	5,5	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12154133	NGUYỄN MINH TÂN	DH120T	<i>Tan</i>			1,5	6	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12154179	TRẦN TRUNG THÀNH	DH120T	<i>Thanh</i>			1	6,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Lý thuyết động cơ ĐT-207713

Ngày Thi : 12/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD503 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12154182	PHAN DUY THẨM	DH120T				1	5,5	6,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	11154019	TRƯƠNG HỮU THIỆN	DH110T				1,5	4,5	6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
21	12154187	NGUYỄN QUỐC THỊNH	DH120T				1	6	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	12154204	VẠN NGỌC TÌNH	DH120T				1,5	6,5	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	12154193	VÕ MẠNH TÍNH	DH120T				1,5	4,5	6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	12154197	TRẦN NGỌC TOÀN	DH120T				1	6	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	12154199	NGUYỄN THANH TÔNG	DH120T				1,5	5	6,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
26	12154124	TRƯƠNG THANH TRƯỜNG	DH120T				1	6,5	7,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
27	12154065	ĐINH LÊ HOÀNG TUẤN	DH120T				1	5,5	6,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
28	12154154	KIM THANH TUẤN	DH120T				1	6,5	7,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
29	12154158	NGUYỄN VŨ VĂN TUỆ	DH120T				1,5	4,5	6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
30	12154013	LÝ KIM XÁI	DH120T				1,5	4	5,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng:

Hiện diện: :

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Lê Quang Trí

Đặng Hữu Dũng

Lê Văn Xuân

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Lý thuyết động cơ ĐT-207713

Ngày Thi : 12/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD504 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12154050	QUẢNG THIÊN	CHƯƠNG	DH120T			1,5	6,5	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	12154062	ĐỖ VĂN	DUY	DH120T			1,5	4,5	6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	12154002	ĐOÀN MÃN	ĐẠT	DH120T			1,5	7,5	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	12154075	NGUYỄN TẤT	ĐẠT	DH120T			1,5	6	7,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	12154005	LÊ TẤN	HOÀN	DH120T			1,5	7	8,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	11154007	ĐẶNG MINH	HOÀNG	DH110T			1,5	4	5,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	12154110	TRẦN DUY	HÙNG	DH120T			1,5	4,5	6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	12154086	HUYỀN MINH	HUY	DH120T			1,5	5,5	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	12154118	NGUYỄN BÌNH	KHÁNH	DH120T			1,5	6,5	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	12154120	BÙI NGỌC	KHOA	DH120T			1,5	5	6,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	12154232	NGUYỄN VIỆT	LÃM	DH120T			1,5	6	7,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	12154259	TRẦN KIM	LỘC	DH120T			1,5	7	8,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	12154240	NGUYỄN THANH	LƯƠNG	DH120T			1,5	7	8,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	12154138	MAI THÀNH	NHÂN	DH120T			1,5	5	6,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	12154147	PHẠM HUỖNH ĐẠT	NHÂN	DH120T			1,5	6	7,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	12154152	NGUYỄN TẤN	PHÁT	DH120T			1,5	6,5	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	12115150	PHẠM CÔNG	PHÚ	DH120T			1,5	6	7,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
18	12154247	NGUYỄN CHÁNH	QUANG	DH120T			1,5	5,5	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Lý thuyết động cơ ĐT-207713

Ngày Thi : 12/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD504 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12154235	NGUYỄN ĐÌNH QUÝ	DH120T	<i>[Signature]</i>			1,5	5,5	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12154172	TRẦN VĂN SĨ	DH120T	<i>[Signature]</i>			1,5	6	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12154236	TRỊNH THANH SƠN	DH120T	<i>[Signature]</i>			1,5	7,5	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12154083	LÊ THANH TÂM	DH120T	<i>[Signature]</i>			1,5	7	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12154134	PHAN DUY THANH	DH120T	<i>[Signature]</i>			1,5	7	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12154180	NGUYỄN VĂN THÀNH	DH120T	<i>[Signature]</i>			1,5	7	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12154186	LÊ QUÝ THIẾU	DH120T	<i>[Signature]</i>			1,5	7,5	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12154192	TRẦN VĂN TIỀN	DH120T	<i>[Signature]</i>			1,5	7	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12154198	NGUYỄN VĂN TOÀN	DH120T	<i>[Signature]</i>			1,5	6	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12154018	NGUYỄN VĂN TRẠNG	DH120T	<i>[Signature]</i>			1,5	6	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12154043	DƯƠNG NHẬT TRƯỜNG	DH120T	<i>[Signature]</i>			1,5	5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11154053	HUYỀN THANH TÙNG	DH110T	<i>[Signature]</i>			1,5	4,5	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12154011	LÊ PHÚ TÙNG	DH120T	<i>[Signature]</i>			1,5	6,5	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 0 Hiện diện: 31

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

[Signature]
Bùi Công Khanh

[Signature]
Phạm Minh Khôi

[Signature]
Nguyễn Văn Dũng

[Signature]
Nguyễn Văn Xuân